



SAVICO

MỘT THÀNH VIÊN CỦA TASCO AUTO



CỘNG HƯỞNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2023

CỘNG HƯỞNG

Từ nhiều năm qua, Savico đã khẳng định vị thế là nhà phân phối và dịch vụ ô tô hàng đầu Việt Nam. Vai trò ấy tiếp tục được củng cố khi trở thành một thành viên của hệ thống Tasco Auto nói riêng và Tasco nói chung. Cộng hưởng với sức mạnh của các thành viên khác của Tasco, doanh nghiệp đang hướng đến vị trí số 1 về dịch vụ ô tô và hạ tầng giao thông thông minh, Savico có đầy đủ năng lực để cung cấp chuỗi giá trị trọn đời cho khách hàng sở hữu xe ô tô tại Việt Nam.

Cộng hưởng nguồn lực với Tasco Auto, Savico hướng đến cung cấp dịch vụ và trải nghiệm trọn vòng đời sử dụng ô tô cho khách hàng, từ việc mua xe mới, mua/bán xe cũ, sửa chữa bảo dưỡng, phụ kiện, đăng ký xe và các dịch vụ giá trị gia tăng như tài chính (vay mua xe), bảo hiểm, đổi xe cũ lấy xe mới, nâng cấp xe từ xe phổ thông qua xe sang.

Với mục tiêu khai thác thị trường ô tô quy mô lớn và giàu tiềm năng tăng trưởng, chúng tôi sẽ tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược với hướng đi khác biệt. Công ty sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới kinh doanh lên đến 120 showroom trong thời gian tới, tiếp tục mang các thương hiệu xe năng lượng mới và xe sang về Việt Nam và trở thành đối tác chiến lược của các hãng ô tô hàng đầu thế giới. Với những giá trị văn hóa bền vững cùng khát vọng mạnh mẽ, chúng tôi cam kết mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng, người lao động và cộng đồng.



NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ĐIỂM NHẤN

- 06 Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi
- 10 Điểm nhấn 2023
- 12 Lịch sử hình thành và phát triển
- 14 Thông tin khái quát về Savico
- 16 Thông tin cổ phiếu và cổ đông
- 18 Hoạt động quan hệ nhà đầu tư năm 2023
- 20 Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị
- 22 Thành viên Hội đồng quản trị,
Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 28 Các xu hướng chính, cơ hội và rủi ro
- 30 Chiến lược phát triển 2023 - 2027

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 34 Tổng quan thị trường năm 2023
- 39 Tình hình hoạt động kinh doanh
- 42 Định hướng hoạt động năm 2024

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 48 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
- 50 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023
- 52 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 52 Tổ chức nhân sự

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 56 Tổng quan về phát triển bền vững
- 58 Báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội
- 62 Chỉ tiêu xã hội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 66 Báo cáo tài chính Hợp nhất

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BCTC	BÁO CÁO TÀI CHÍNH
BĐH	BAN ĐIỀU HÀNH
BH&DV	BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ
BKS	BAN KIỂM SOÁT
BTGD	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CBNV	CÁN BỘ NHÂN VIÊN
CBU	XE ĐƯỢC SẢN XUẤT HOÀN TOÀN Ở NƯỚC NGOÀI VÀ NHẬP KHẨU NGUYÊN CHIẾC VỀ VIỆT NAM
CKD	XE LẮP RÁP TRONG NƯỚC

CPI	CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG
CV	XE THƯƠNG MẠI
ĐHĐCĐ	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
DVBĐS	DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN
ĐVT	ĐƠN VỊ TÍNH
DVTC	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
DVTM	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
FDI	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
GDP	TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI
HĐKD	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HĐLĐ	HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
HĐQT	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HĐTV	HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
HOSE	SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
HTC	HYUNDAI THÀNH CÔNG
IR	QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ
KTT	KẾ TOÁN TRƯỞNG
LNST	LỢI NHUẬN SAU THUẾ
LNTT	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
PC	XE DU LỊCH

PMI	CHỈ SỐ NHÀ QUẢN TRỊ MUA HÀNG
PTGD	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ROA	LỢI NHUẬN SAU THUẾ/ TỔNG TÀI SẢN BÌNH QUÂN
ROE	LỢI NHUẬN SAU THUẾ/ VỐN CHỦ SỞ HỮU BÌNH QUÂN
SAVICO	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO
TGD	TỔNG GIÁM ĐỐC
TNDN	THU NHẬP DOANH NGHIỆP
VAMA	HIỆP HỘI CÁC NHÀ SẢN XUẤT Ô TÔ VIỆT NAM
VĐL	VỐN ĐIỀU LỆ
VNĐ	VIỆT NAM ĐỒNG

TẦM NHÌN TƯƠNG LAI

TẦM NHÌN

Trở thành lựa chọn số 1 về dịch vụ ô tô tại Việt Nam,
tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế.

SỨ MỆNH

Mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm, dịch vụ uy tín,
nâng cao chất lượng và giá trị cuộc sống.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

MINH BẠCH: Trong các giao dịch, ứng xử và kinh doanh.

TÔN TRỌNG: Cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác...

TRÁCH NHIỆM: Tuân thủ luật pháp, tham gia đóng góp cộng đồng, xã hội.

SÁNG TẠO: Luôn tìm kiếm cơ hội, tự đổi mới để gia tăng uy tín và hiệu quả doanh nghiệp

ĐOÀN KẾT: Đồng thuận, vượt qua thách thức; Tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gặt hái thành công.



01

ĐIỂM NHẤN

Điểm nhấn 2023



TỔNG TÀI SẢN
(Tỷ đồng)

7.174



VỐN HÓA
(Tỷ đồng)

1.879

(Tại ngày
14/03/2024)

MẠNG LƯỚI 86
Showroom



DOANH THU HỢP NHẤT
(Tỷ đồng)

20.852



EBITDA
(Tỷ đồng)

386



SẢN LƯỢNG XE MỚI
(Xe)

36.637



SỐ CÔNG TY CON
/CÔNG TY LIÊN KẾT

65



NHÂN SỰ

6.613
NGƯỜI



THỊ PHẦN

13,3 %

(tính trên
tổng sản lượng VAMA
năm 2023)



LỢI NHUẬN GỘP
(Tỷ đồng)

1.428



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(Tỷ đồng)

44,4

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

SAVICO 41 NĂM

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

XÂY DỰNG NỀN MÓNG 1982 - 2004

1982

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập vào 01/09/1982 với tên gọi là Công ty Dịch vụ Quận 1.

1986

Đổi tên từ Công ty Dịch vụ Quận 1 thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn với tên giao dịch là SAVICO.

1990

Đầu tư, phát triển kinh doanh dịch vụ ngành ô tô, xe gắn máy, du lịch, dịch vụ vận chuyển – taxi...tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống Dịch vụ thương mại sau này.

1995

Mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản và đưa vào danh mục hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

1998

Từng bước chuyển hướng hoạt động sang mô hình Công ty đầu tư – bắt đầu bằng việc góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần của các công ty; xây dựng và phát triển hệ thống đại lý phân phối xe ô tô, xe gắn máy của các nhãn hiệu có uy tín như: Toyota, Ford, Suzuki,...

HỘI NHẬP PHÁT TRIỂN 2004 - 2014

2005

Thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 04/01/2005. Hoạt động của Công ty tập trung vào 3 lĩnh vực: Dịch vụ Thương mại, Dịch vụ Bất động sản và Dịch vụ Tài chính.

2006

Ngày 21/12/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SVC.

2009

Ngày 01/06/2009, cổ phiếu của Công ty chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán SVC

MỞ RỘNG KINH DOANH 2015 - 2020

Đẩy mạnh phát triển hoạt động phân phối và dịch vụ ngành ô tô. Mở rộng sang kinh doanh xe thương mại và kinh doanh xe cao cấp với thương hiệu Volvo. Tổng số đại lý ô tô phát triển mới giai đoạn này là 38 đại lý, nâng tổng số đại lý ô tô trong hệ thống SAVICO lên con số 57 đại lý.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2021

Tập trung đổi mới tư duy, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong công tác quản trị và điều hành toàn hệ thống. Hoàn thiện phát triển hệ sinh thái nhằm liên kết sức mạnh ba lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ Thương mại – Dịch vụ Bất động sản – Dịch vụ Tài chính. Trong đó lấy lĩnh vực Dịch vụ Thương mại làm nền tảng, giữ vững vị thế là nhà phân phối và cung cấp dịch vụ ô tô số 1 Việt Nam.

2022 - Dấu mốc 40 năm thành lập, mở hướng cho chặng đường phát triển mới

Đặt cột mốc quan trọng xác lập mục tiêu ưu tiên trong việc thực thi chiến lược phát triển đột phá ngành dịch vụ ô tô, dịch vụ Bất động sản và dịch vụ giá trị gia tăng. Cam kết mang lại giá trị cao hơn cho Cổ đông, Đối tác, Cán bộ nhân viên và Khách hàng; chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

2023

Tiếp tục kiên định mục tiêu là nhà phân phối ô tô số 01 tại Việt Nam. Việc trở thành một thành viên của Tasco giúp Savico có thêm nguồn lực để hoàn thiện chuỗi giá trị toàn diện dành cho ô tô và chủ xe ô tô, hướng đến tham gia chuỗi giá trị cao hơn của ngành ô tô. Năm 2023 đánh dấu một sự chuyển mình mạnh mẽ của Savico về mặt tổ chức, bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tối ưu nguồn lực để bứt phá.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ SAVICO

LĨNH VỰC KINH DOANH

DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Tổ chức hệ thống đại lý trực tiếp phân phối ô tô, xe gắn máy từ nhà sản xuất trong và ngoài nước; sửa chữa; bảo trì ô tô, xe gắn máy và các dịch vụ kèm theo cho các thương hiệu Toyota, Ford, Volvo, Hyundai, Honda, Hino, Isuzu, Yamaha, Mitsubishi, Nissan....



DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh
Dịch vụ Thương mại và Dịch vụ Bất Động sản.

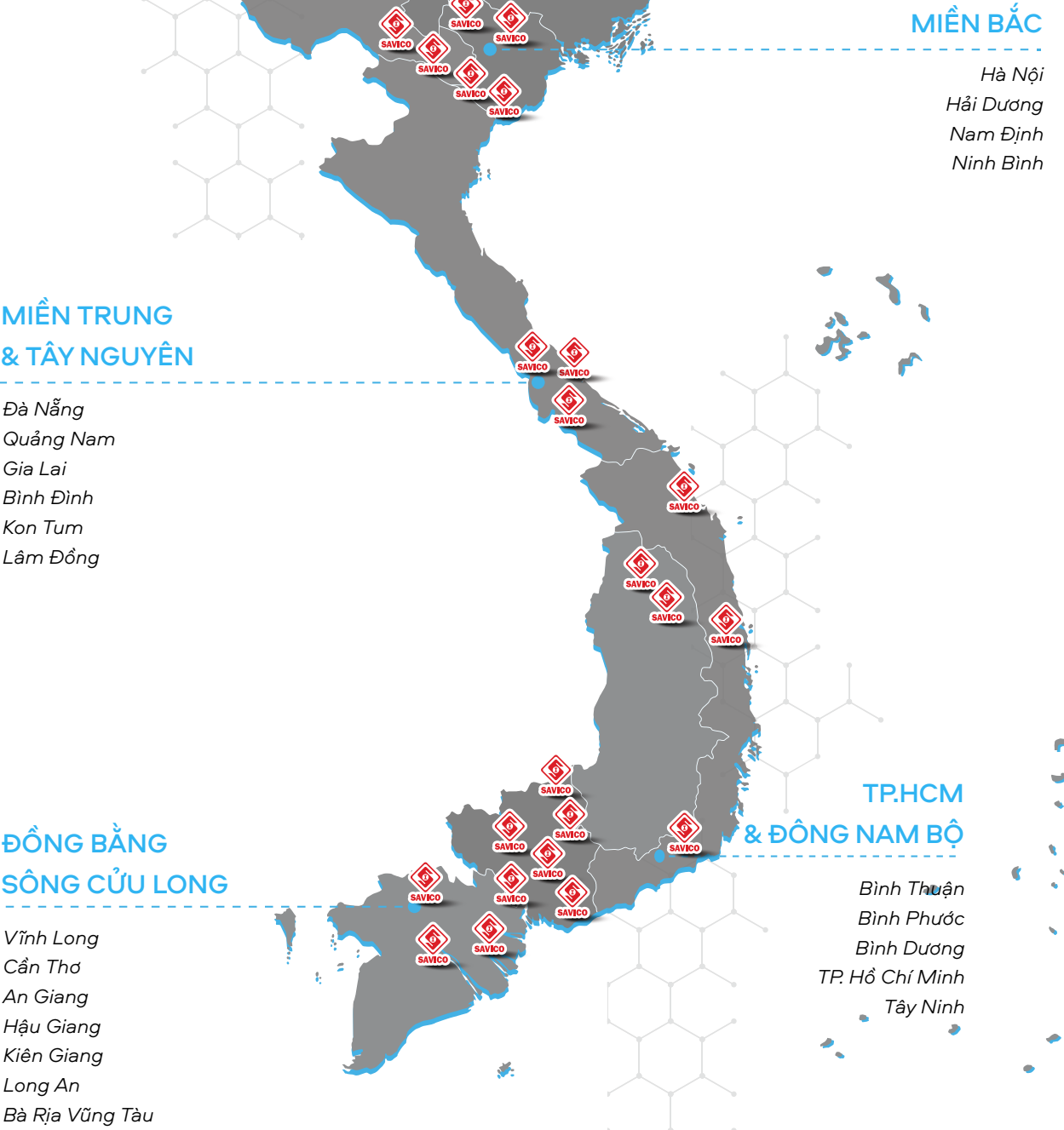
DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Đầu tư, phát triển kinh doanh bất động sản theo định hướng cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại... Đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động của lĩnh vực.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động kinh doanh của SAVICO trải dài từ Bắc vào Nam



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

THỐNG KÊ CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2023

	ĐVT	Số liệu
30/12/2022	đồng/ CP	57.200
Giá ngày 29/12/2023	đồng/ CP	29.450
Giá cao nhất trong năm (06/01/2023)	đồng/ CP	61.500
Giá thấp nhất trong năm (20/12/2023)	đồng/ CP	27.500
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	CP	66.620.064
EPS 2023 - Theo BCKT Hợp nhất	đồng/ CP	430
P/E - Theo BCKT Hợp nhất	lần	68
P/B - Theo BCKT Hợp nhất	lần	0,84

Cổ phiếu

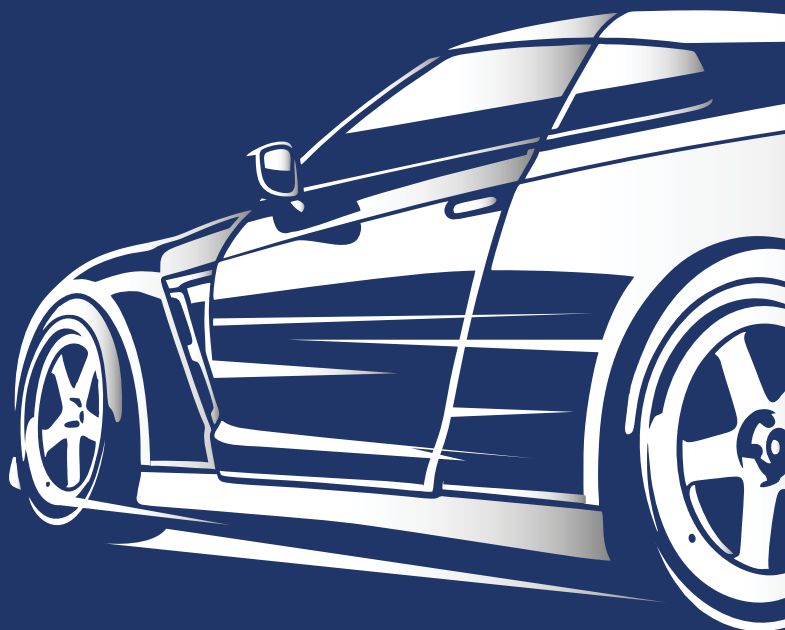
Tổng số CP phát hành tại thời điểm 31/12/2023	66.630.564 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Phổ thông
Tổng số CP đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2023	66.620.064 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu	-
Giao dịch CP quỹ trong năm 2022	-
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	-

Cơ cấu cổ đông

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/03/2024)

STT	Phân loại cổ đông	Khối lượng	Tỷ lệ nắm giữ	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà Nước	27180.860	40,79%	1	1	-
2	HĐQT, BTGD, BKS, KTT	-	-	-	-	-
3	Cổ đông trong nước	65.483.402	98,14%	915	25	890
4	Cổ đông nước ngoài	1.136.662	1,86%	54	14	40
5	Cổ phiếu quỹ	10.500	0,02%	1	1	-

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2023



SAVICO luôn thể hiện sự nhất quán, trung thực, minh bạch và công bố thông tin một cách công bằng trong giao tiếp với nhà đầu tư, cổ đông. Mọi thông tin (theo quy định và tự nguyện) được công bố một cách chính xác, đầy đủ, rõ ràng, đúng thời hạn trên trang điện tử của SAVICO (bằng tiếng Việt và tiếng Anh), Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) của SAVICO tập trung vào việc đáp ứng các quy định hiện hành về công bố thông tin, đảm bảo các thông tin công bố ra công chúng kịp thời, chính xác, tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật. Ban IR cũng là đầu mối tiếp nhận và kết nối thông tin giữa Công ty với cổ đông, nhà đầu tư, các tổ chức tài chính, các công ty chứng khoán...;

Song song đó, SAVICO tiếp tục cải thiện việc thiết lập định hướng theo các quy chuẩn quốc tế về phát triển bền vững, đây thực sự là một tham khảo cần thiết đối với SAVICO.

Bên cạnh đó, SAVICO cũng luôn nhận được nhiều chia sẻ, hỗ trợ từ phía nhà đầu tư, các cổ đông để hoạt động IR ngày càng đáp ứng cao hơn các yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, các cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

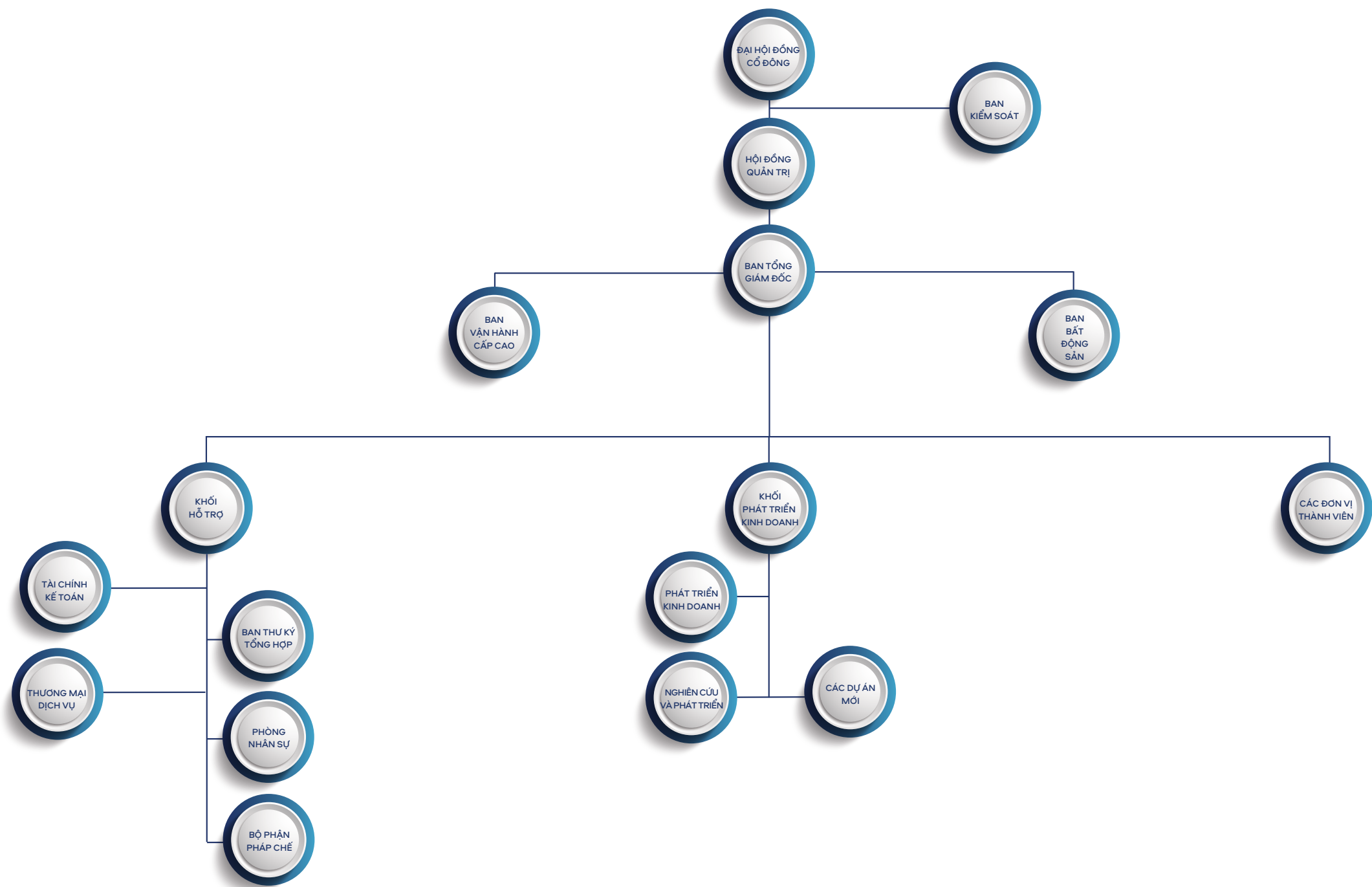
Savico phát triển theo mô hình công ty đầu tư (Công ty mẹ)

Đầu tư vào các dự án thương mại dịch vụ, bất động sản, tài chính thông qua việc góp vốn và tham gia quản trị song hành với các đơn vị thành viên để phát triển kinh doanh.

Mô hình quản trị theo ngành dọc “chuyên biệt để tạo lợi thế” và quản trị theo khu vực “kết hợp để tạo hiệu quả”.

Hàng năm, Savico tiến hành giao chỉ tiêu kinh doanh cho các đơn vị thành viên, kiểm soát hoạt động để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Đồng thời hỗ trợ các đơn vị thành viên mở rộng thị trường, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tăng cường liên kết, phối hợp giữa các đơn vị thành viên để nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **VŨ ĐÌNH ĐỘ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đình Độ được bầu giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 4 năm 2023. Ông là nhà đầu tư, người đồng sáng lập và đồng hành cùng sự phát triển của các công ty phát triển hạ tầng cấp nước, các công ty sản xuất vật tư hạ tầng ngành nước, sản xuất vật liệu hoàn thiện cơ bản... trong hệ thống Công ty Cổ phần DNP Holdings cũng như ghi dấu ấn mạnh mẽ trong việc xây dựng hệ sinh thái về dịch vụ ô tô thông minh của Công ty Cổ phần Tasco. Ông có kiến thức sâu rộng và gần 20 năm kinh nghiệm xây dựng chiến lược phát triển, kiến trúc tổ chức, hoạt động đầu tư và hoạt động quản trị vận hành doanh nghiệp tại các tổ chức lớn của Việt Nam.



Ông **HỒ VIỆT HÀ**

Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Ông Hồ Việt Hà được bầu giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 12 năm 2022 và bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ tháng 4 năm 2023. Ông đã có gần 25 năm kinh nghiệm đảm nhiệm các chức vụ điều hành cấp cao tại nhiều tổ chức hàng đầu trong nước và quốc tế, trong đó có 10 năm đảm nhiệm chức vụ Giám đốc kiểm toán của Công ty Kiểm toán hàng đầu thế giới như KPMG, AA; hơn 10 năm là Giám đốc Điều hành cấp Tập đoàn và thành viên HĐQT của Thiên Minh Group tập trung phát triển dịch vụ du lịch cao cấp và gần 5 năm giữ chức Chủ tịch điều hành tổ chức lớn về hạ tầng ngành nước tại Việt Nam. Ngoài ra, ông Hồ Việt Hà còn được biết đến là người có nhiều kinh nghiệm trong quản trị và phát triển lĩnh vực ô tô và giao thông thông minh.



Ông **TRẦN ĐỨC HUY**

Thành viên độc lập HĐQT

Ông Trần Đức Huy được bầu giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 12 năm 2022. Ông có 25 năm kinh nghiệm và từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng tại các Tập đoàn hàng đầu thế giới và Việt Nam. Ông Huy từng nắm giữ vị trí Tổng Giám đốc của Saint-Gobain Vietnam - Tập đoàn nổi tiếng thế giới về sản xuất và phân phối giải pháp vật liệu xây dựng. Trước đó, ông Huy từng là Tổng Giám đốc Công ty CPCN Vĩnh Tường. Ông là người có kinh nghiệm và kiến thức quản trị sâu rộng được công nhận bởi các tổ chức đào tạo hàng đầu như: Chương trình lãnh đạo cấp cao GMP của trường kinh doanh Harvard Business School; Chương trình đào tạo lãnh đạo cấp cao tại Anderson Business School (UCLA), Sloan Business School (MIT). Chứng chỉ giảng viên quản trị doanh nghiệp (Corporate Governance Trainer) - IFC (Ngân Hàng Thế Giới).



Bà **TRẦN THỊ HỒNG BÍCH**

Thành viên HĐQT

Bà Trần Thị Hồng Bích được bầu giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 12 năm 2022. Trước khi tham gia Ban lãnh đạo Savico, Bà Trần Thị Hồng Bích được biết đến là một nữ tướng tài năng của Vinfast khi giữ vai trò Quyền Giám đốc Vinfast Châu Âu. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ô tô, tài chính, chuyển đổi dữ liệu.... Ngoài ra, Bà còn ghi dấu ấn cùng với thành công của một loạt thương hiệu lớn tại Việt Nam như Toyota Hà Nội, KFC, tập đoàn Thales....Hiện Bà đang làm Tổng Giám đốc của Tasco Auto.



Ông **NGUYỄN NGỌC CHÂU**

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Châu được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 06 năm 2021. Quá trình công tác của Ông Nguyễn Ngọc Châu gắn liền với Tổng Công ty Bến Thành (hiện Ông Châu là Thành viên Chuyên trách Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bến Thành). Trước đó, Ông từng là Chủ tịch HĐQT của Bến Thành Tourist, một thương hiệu du lịch lớn tại Việt Nam. Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, điều hành tại các công ty liên doanh, đầu tư...



Ông **TRẦN QUANG TRƯỜNG**

Thành viên HĐQT

Ông Trần Quang Trường được bầu giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 4 năm 2023. Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, Ông Trần Quang Trường ghi dấu ấn với vai trò lãnh đạo cấp cao tại các doanh nghiệp trong hệ thống Tổng Công ty Bến Thành như Công ty CP Vật tư Tổng hợp Bến Thành; Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành.



Ông **TRẦN XUÂN ÁNH**

Thành viên HĐQT

Ông Trần Xuân Ánh được bầu giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 4 năm 2023. Trước khi gia nhập Ban lãnh đạo Savico, Ông Trần Xuân Ánh từng giữ vai trò Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận, Công ty CP Xuất nhập khẩu Giày dép Nam Á.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **HỒ VIỆT HÀ**
Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Ông Hồ Việt Hà được bầu giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 12 năm 2022 và bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ tháng 4 năm 2023. Ông đã có gần 25 năm kinh nghiệm đảm nhiệm các chức vụ điều hành cấp cao tại nhiều tổ chức hàng đầu trong nước và quốc tế, trong đó có 10 năm đảm nhiệm chức vụ Giám đốc kiểm toán của Công ty Kiểm toán hàng đầu thế giới như KPMG, AA; hơn 10 năm là Giám đốc Điều hành cấp Tập đoàn và thành viên HĐQT của Thiên Minh Group tập trung phát triển dịch vụ du lịch cao cấp và gần 5 năm giữ chức Chủ tịch điều hành tổ chức lớn về hạ tầng ngành nước tại Việt Nam. Ngoài ra, ông Hồ Việt Hà còn được biết đến là người có nhiều kinh nghiệm trong quản trị và phát triển lĩnh vực ô tô và giao thông thông minh.



Ông **TRẦN HẢI ANH**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Hải Anh được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 12 năm 2023. Từng tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội và có nhiều kinh nghiệm về kiến trúc hệ thống và lập trình cao cấp, Ông Trần Hải Anh đã có những đóng góp quan trọng vào thành công của các dự án lớn trong lĩnh vực công nghệ của các thương hiệu lớn như Vinaphone, Vietnamobile... Trước khi gia nhập Savico, Ông Trần Hải Anh giữ vai trò Tổng Giám đốc Carpla – nền tảng mua bán xe ô tô đã qua sử dụng lớn nhất tại Việt Nam



Ông **TRẦN THÁI SƠN**
Kế toán trưởng

Ông Trần Thái Sơn được bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 06 năm 2023. Trước đó, Ông là Phó Tổng Giám đốc Savico từ tháng 3 năm 2023. Với hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, Ông Trần Thái Sơn từng làm việc tại các định chế tài chính lớn như Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.



BAN KIỂM SOÁT



Ông **HÀ TÔN TRUNG HẠNH**
Trưởng Ban kiểm soát

Ông Hà Tôn Trung Hạnh tham gia Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 09 năm 2022. Ông là người có kiến thức sâu rộng trong lĩnh vực tài chính, kiểm toán, ngân hàng. Ngoài ra, Ông từng giữ các vai trò lãnh đạo cao cấp tại các ngân hàng lớn như Phó Tổng Giám đốc Sacombank, Giám đốc Kiểm soát nội bộ tại Eximbank.



Ông **NGÔ HÒA**
Thành viên Ban kiểm soát

Ông Ngô Hòa là Thạc sĩ Kế toán, có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Ông tham gia Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 6 năm 2021. Ngoài ra, Ông còn đang giữ vai trò Kế toán trưởng Tổng Công ty Bến Thành.



Ông **BÙI THÀNH VIỆT**
Thành viên Ban kiểm soát

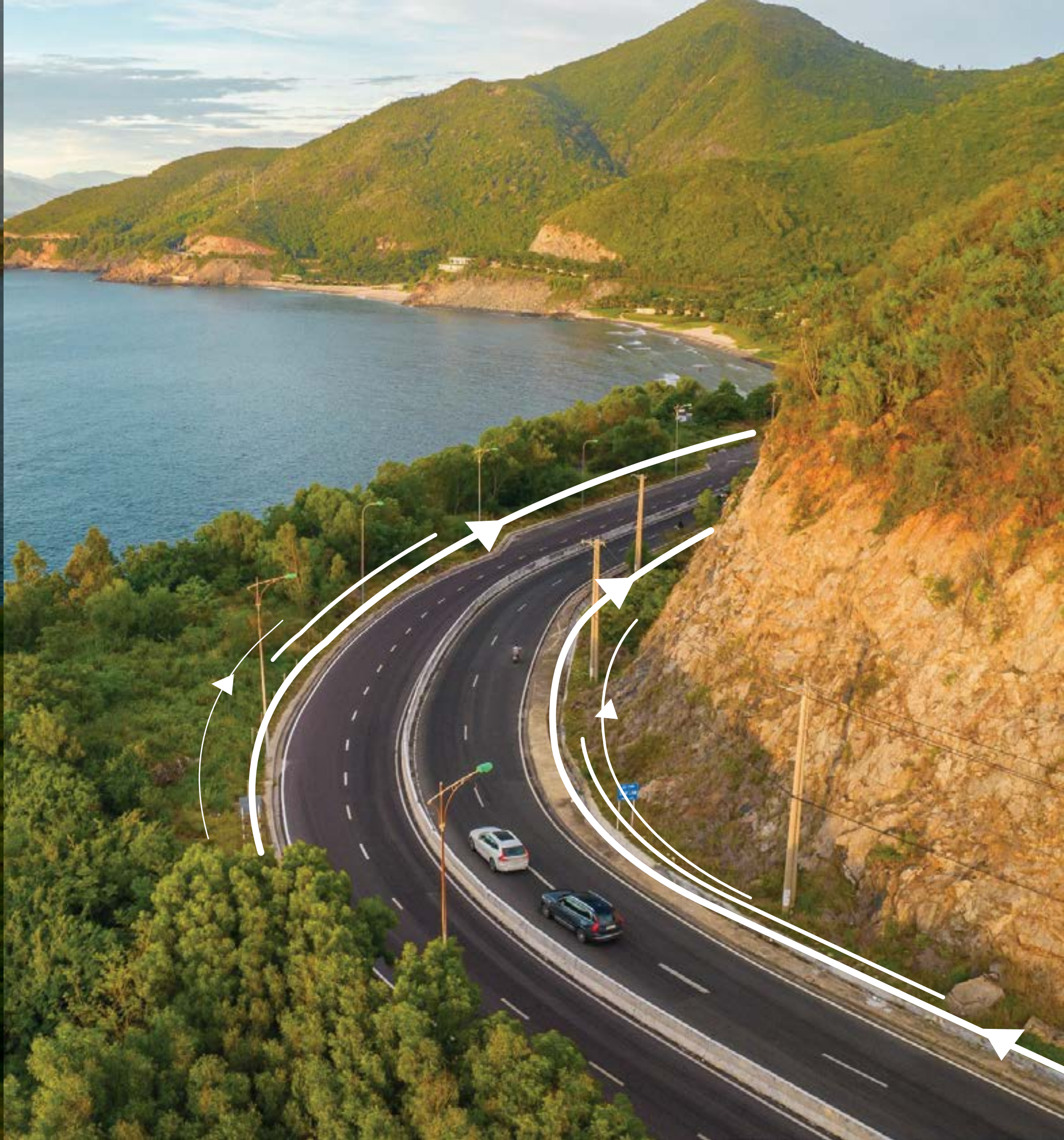
Ông Bùi Thành Việt gia nhập Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) từ tháng 04 năm 2023. Với hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, Ông Bùi Thành Việt từng trải các vị trí lãnh đạo cao cấp như Giám đốc Tài chính Công ty CP Tập đoàn MIK; Phó Giám đốc khối Quản trị Tài chính Công ty CP Tasco.





02

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



CÁC XU HƯỚNG CHÍNH THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI



Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo vẫn còn nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro khó đoán định, môi trường kinh doanh ở Việt Nam vẫn còn diễn biến phức tạp. Savico đã chủ động dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh và nhận diện các cơ hội, thách thức, rủi ro đối với hoạt động của Công ty trong ngắn, trung và dài hạn.

Cơ hội

Thách thức

Trung lập

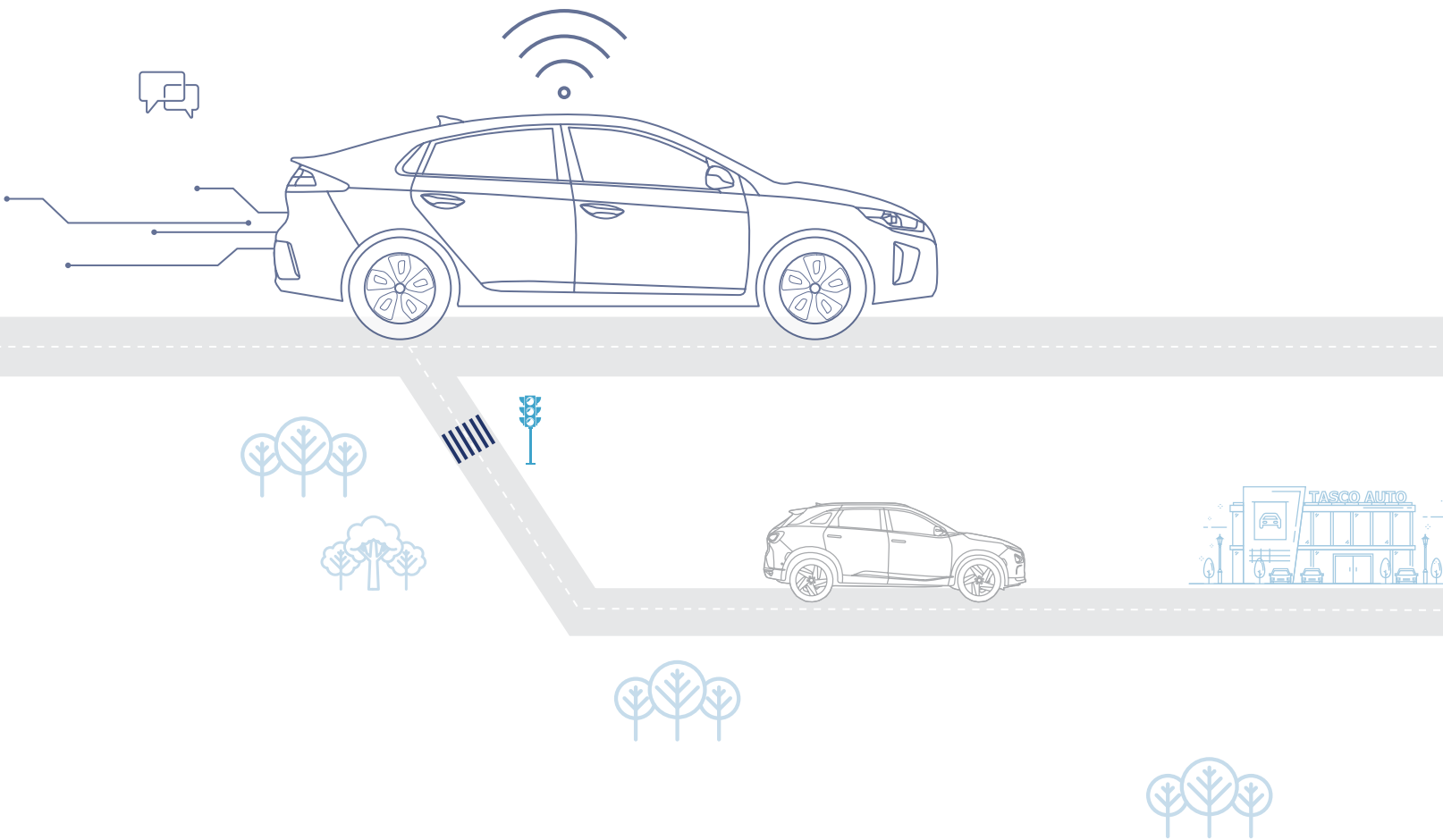
CÁC XU HƯỚNG/YẾU TỐ TÁC ĐỘNG CHÍNH		PHÂN PHỐI Ô TÔ	DỊCH VỤ GIÁ TRỊ TRỌN ĐỜI CHO XE VÀ CHỦ XE Ô TÔ
Chính trị	Bất ổn địa chính trị trong khu vực và thế giới		
	Chính trị Việt Nam ổn định		
Kinh tế	Kinh tế thế giới giảm tốc		
	Tăng cường tham gia các hiệp định tự do thương mại		
	GDP Việt Nam tăng trưởng khả quan		
	Chính sách tài khóa mở rộng, đẩy mạnh đầu tư công		
	Lạm phát được kiểm soát		
	Giảm thuế VAT 2% hỗ trợ thúc đẩy tiêu dùng		
	Chính sách tiền tệ nới lỏng, lãi suất thấp		
	Đẩy nhanh tiến độ các dự án cao tốc Bắc – Nam, hạ tầng thuận lợi thúc đẩy nhu cầu mua ô tô		
Xã hội	Gia tăng mạnh mẽ tầng lớp trung lưu		
	Tỷ lệ sở hữu ô tô trên 1.000 dân của Việt Nam thấp hơn các nước trong khu vực		
	Xu hướng đô thị hóa		
Công nghệ	Xu hướng Fintech, Insurtech, cá nhân hóa sản phẩm tài chính, bảo hiểm		
	Xu hướng chuyển đổi số, cải thiện hạ tầng kỹ thuật số		
Môi trường	Xu hướng ESG, chú trọng phát triển bền vững, giảm phát thải Carbon về 0 vào năm 2050		
	Gia tăng nhu cầu về xe năng lượng mới và thách thức về hạ tầng trạm sạc		
Pháp lý	Cải cách hệ thống pháp lý, minh bạch hóa thị trường		

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2023-2027

Trên cơ sở nghiên cứu các cơ hội và lường định rủi ro trên thị trường, kết hợp với phân tích thế mạnh cốt lõi của Công ty, Savico sẽ tập trung đầu tư phát triển lĩnh vực mà công ty có thế mạnh trong giai đoạn Chiến lược 2023-2027.

Theo đó, Savico tập trung vào các giải pháp chiến lược sau:

- Gia tăng mạnh mẽ số lượng showroom & thương hiệu ô tô (xe sang & xe năng lượng mới) để đáp ứng nhu cầu và tiềm năng tăng trưởng của thị trường
- Phát triển các sản phẩm và dịch vụ trọn đời, thông minh và được cá nhân hóa tới người sở hữu và sử dụng ô tô (mua bán xe, đổi xe, bảo hiểm, vay mua xe, dịch vụ toàn diện về xe ô tô).
- Tạo ra trải nghiệm khách hàng toàn diện (end to end), có tính cá nhân hóa cao, tạo khác biệt dựa trên nền tảng công nghệ thông tin với sự hậu thuẫn của Tasco và Tasco Auto.
- Tối ưu hệ sinh thái Savico, cộng hưởng với nguồn lực trong hệ thống Tasco Auto; chú trọng gia tăng tỷ lệ khai thác, hiệu quả các mảng giá trị gia tăng; Đẩy mạnh các giải pháp nhằm gia tăng số lượt, doanh thu dịch vụ thông qua hoạt động chăm sóc khách hàng, liên kết đơn vị bảo hiểm, mobile service, chính sách khuyến mãi phù hợp.
- Gia tăng công suất khai thác trung tâm thương mại (TTTM), mặt bằng, văn phòng, kho bãi... đảm bảo doanh thu, lợi nhuận dịch vụ bất động sản tăng trưởng bền vững. Phát triển quỹ đất mới, chuẩn bị hạ tầng phù hợp với nhu cầu đầu tư, phát triển đại lý mới.
- Đầu tư mạnh mẽ vào thu hút nhân tài, phát triển con người, công nghệ
- Xây dựng tổ chức tinh gọn, hiệu quả, linh hoạt, chuyên nghiệp tầm quốc tế
- Phát triển bền vững thông qua việc tích hợp các nguyên tắc ESG trong hoạt động kinh doanh



TÁI ĐỊNH NGHĨA TRẢI NGHIỆM
KHÁCH HÀNG THÔNG QUA
CHUỖ DỊCH VỤ Ô TÔ

1 ĐIỂM CHẠM

03

***BÁO CÁO
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC***



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2023, kinh tế tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mang tính toàn cầu. Hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm, lạm phát vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới tăng lên mức kỷ lục. Trong khi đó, bất ổn chính trị liên tục xảy ra ở nhiều điểm nóng trên thế giới gây ảnh hưởng lớn đến chuỗi cung ứng. Các vấn đề an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng.

Nền kinh tế Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội và khó khăn, thách thức. Bên cạnh việc xử lý các tác động, thách thức từ bối cảnh quốc tế, Việt Nam cũng phải nỗ lực xử lý, giải quyết nhiều khó khăn, tồn tại của nền kinh tế, có những vấn đề đã tích tụ từ nhiều năm, đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm các cân đối lớn và tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

GDP tăng

5,05 %

chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023; nhưng năm 2023 vẫn thể hiện xu hướng tích cực, quý sau cao hơn quý trước.

PMI trung bình năm 2023 đạt

48,3 ĐIỂM

thấp nhất kể từ năm 2020. Sức khỏe ngành sản xuất yếu kém trong hầu hết thời gian của năm 2023, chỉ cải thiện nhẹ trong tháng 2 và tháng 8.

Lạm phát được kiểm soát.

Chỉ số CPI bình quân năm 2023 tăng

3,25 %

so với năm 2022.

**TỔNG MỨC DOANH SỐ BÁN
LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ
TIÊU DÙNG NĂM 2023 ĐẠT**

**6.232 NGHÌN
TỶ ĐỒNG**

TĂNG 9,6 % SO VỚI CÙNG KỲ

**TĂNG TRƯỞNG
TÍN DỤNG NĂM 2023**

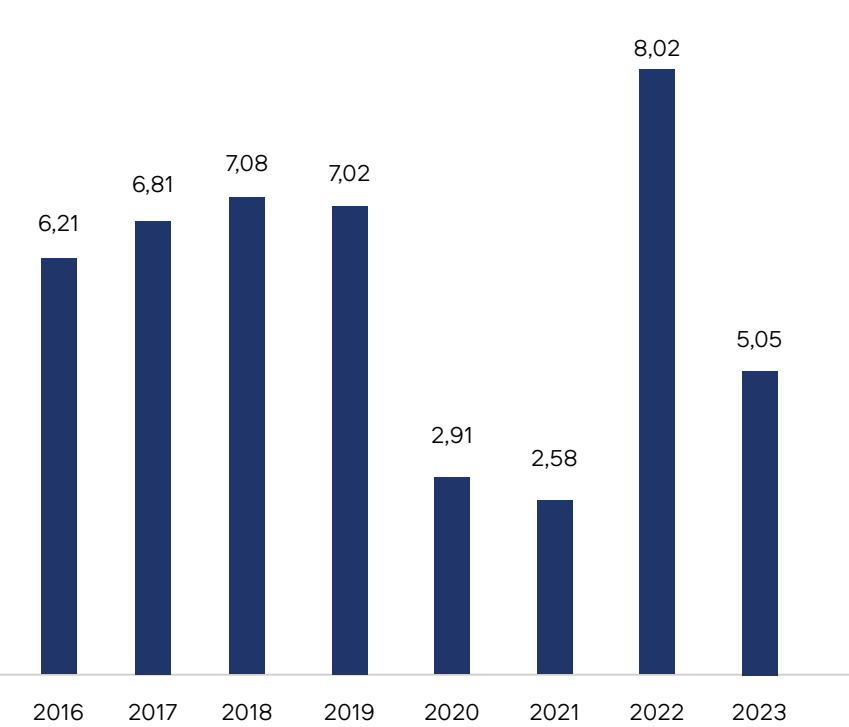


Nền lãi suất các kỳ hạn giảm đáng kể so với năm 2022 tạo điều kiện cho nền kinh tế phục hồi.

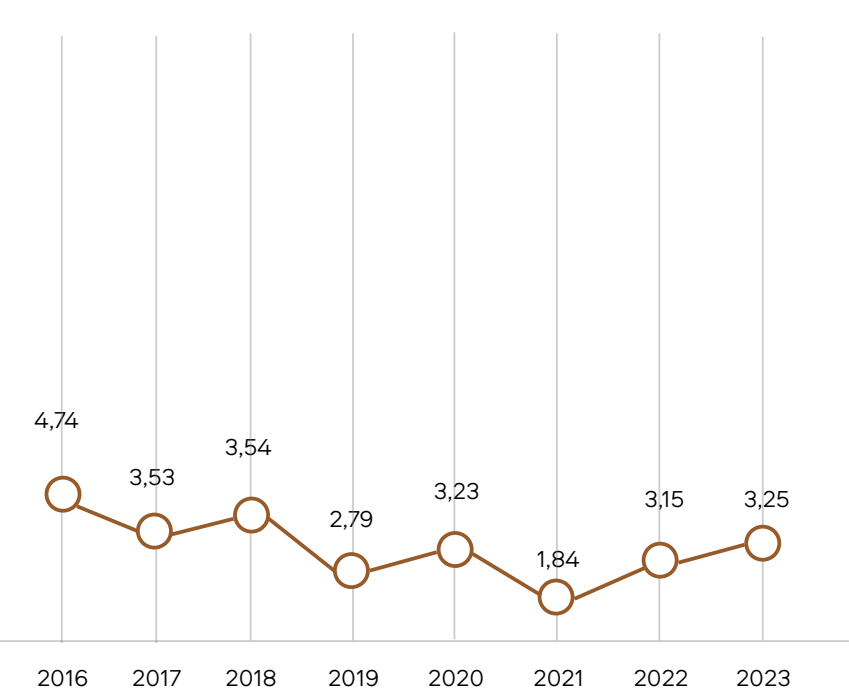
Tuy nhiên, bước sang năm 2024, các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động đến triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ít nhất trong nửa đầu năm 2024.

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NĂM 2023 (tiếp theo)

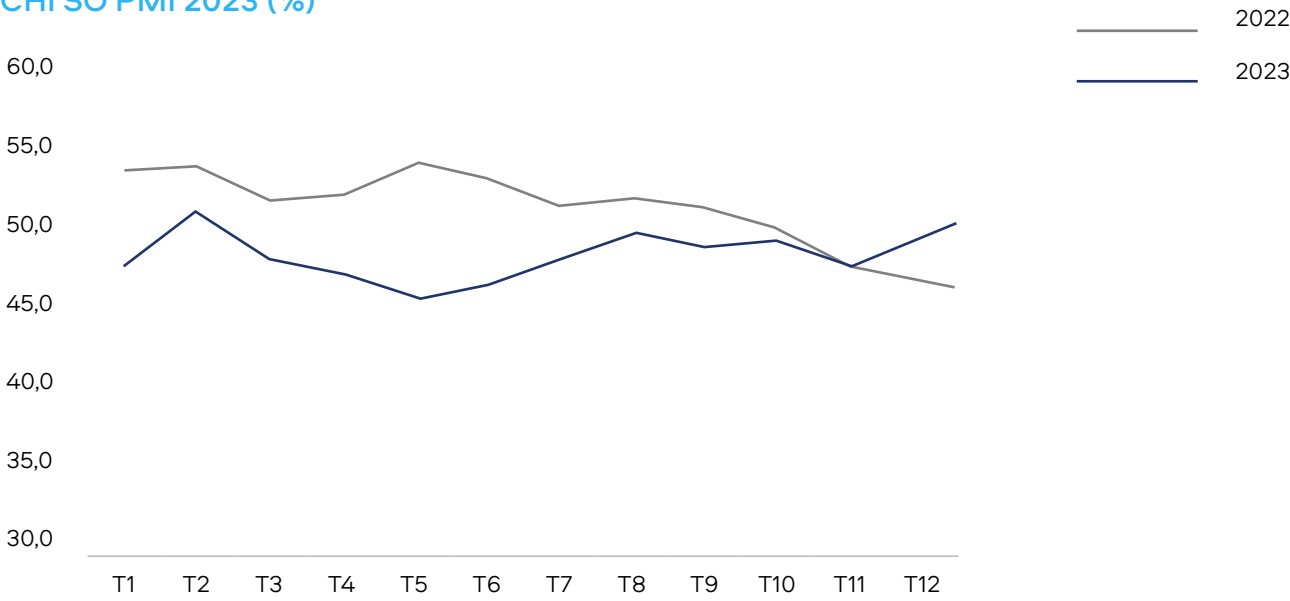
TĂNG TRƯỞNG GDP QUA CÁC NĂM (%)



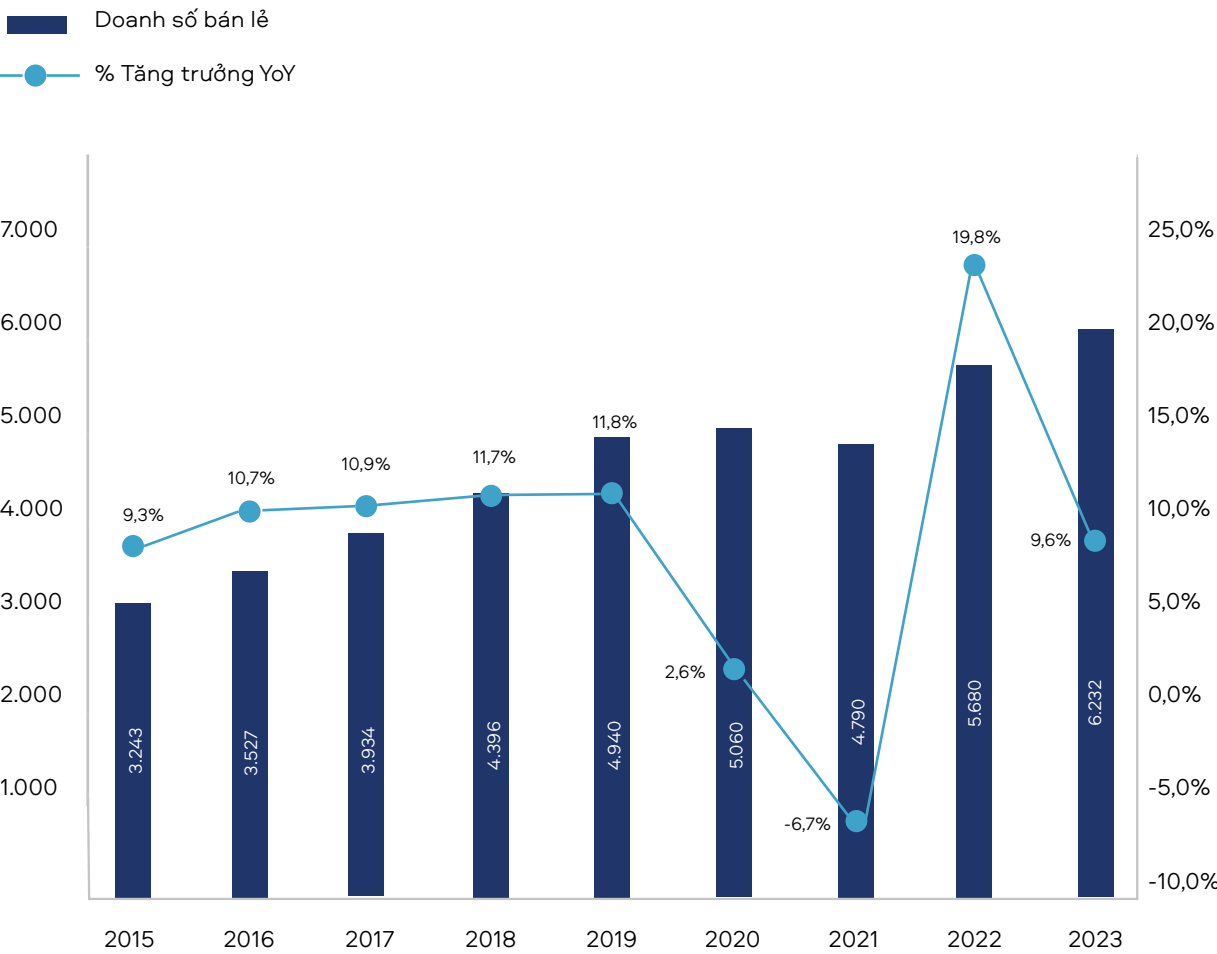
CHỈ SỐ CPI QUA CÁC NĂM (%)



CHỈ SỐ PMI 2023 (%)



DOANH SỐ BÁN LẺ 2023 (NGHÌN TỶ %)



VỀ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

THỊ TRƯỜNG ÔTÔ

Năm 2023 là một năm khó khăn của ngành ô tô. Thị trường chứng kiến tình trạng doanh số sụt giảm, cạnh tranh về giá diễn ra ở nhiều phân khúc. Chính phủ tiếp tục áp dụng chính sách hỗ trợ giảm 50% thuế trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 41/2023/NĐ-CP của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01/07/2023), kéo dài đến 31/12/2023 với kỳ vọng sẽ tạo cú hích cho ngành ô tô. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô chưa có nhiều động lực khởi phục dẫn đến thị trường ô tô chưa thể khởi sắc như kỳ vọng.

Theo báo cáo VAMA + HTV, sản lượng toàn thị trường năm 2023 đạt 369.439 xe (Vama+ HTV), giảm 24% với cùng kỳ. Trong đó, CKD giảm 15%, CBU giảm 36%. Tuy nhiên, về dài hạn thị trường Việt Nam vẫn được đánh giá có nhiều tiềm năng tăng trưởng tốt, vì vậy trong năm 2023 các hãng cho ra mắt gần 40 mẫu xe mới. Các hãng xe mới cũng đồng loạt xuất hiện tại Việt Nam như Lynk&Co, Skoda, Wuling...mang đến cho khách hàng nhiều lựa chọn và tăng cạnh tranh trên thị trường xe ô tô.



THỊ TRƯỜNG XE GẮN MÁY

Tiếp tục xu hướng thu hẹp dần qua từng năm do Việt Nam bước vào giai đoạn đầu ô tô hóa và xu hướng sử dụng phương tiện “xanh”. Theo báo cáo VAMM, sản lượng xe máy toàn thị trường năm 2023 đạt hơn 2,5 triệu xe, giảm 16,2% so với cùng kỳ.

Nguồn tài liệu tham khảo:

- Tổng cục thống kê (GSO), VAMA, HTV, VINFAST, Dữ liệu đăng kiểm
- Nghị quyết Chính phủ, Báo cáo chỉ số PMI Việt Nam (Nikkei, Markit)
- Tổng hợp các bản tin tài chính: BSC, HSC...



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH

Năm 2023, trước tác động đa chiều của tình hình vĩ mô, thị trường xe ô tô chứng kiến mức sụt giảm sản lượng 24% so với năm 2022. Đây là mảng kinh doanh chính của Savico nên sản lượng của Công ty cũng bị ảnh hưởng nhất định. Bằng những điều chỉnh kịp thời trong chiến lược kinh doanh và quản trị phù hợp với từng giai đoạn. **Tổng lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống Savico đạt 36.637 xe, đạt 68%** kế hoạch năm 2023, giảm 14% so với cùng kỳ, thấp hơn mức giảm 24% của toàn thị trường.

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu (Theo BCTC hợp nhất)	TH 2023	% KH 2023	% Cùng kỳ
Sản lượng	36.637	67%	86%
Doanh thu BH & CCDV	20.852.169	70%	98%
Lợi nhuận trước thuế	48.873	9%	7%
Lợi nhuận sau thuế	44.432	10%	8%
Cổ tức	5%	71%	100%
Lợi nhuận trước thuế BC riêng	88.069	46%	50%



Kết quả hợp nhất 2023, Savico ghi nhận:

- Doanh thu hợp nhất đạt 20.852 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch năm 2023, giảm 2% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 48,9 tỷ đồng, đạt 9% kế hoạch năm 2023.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC

Công ty đã tập trung các giải pháp điều hành nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư đối với từng lĩnh vực kinh doanh, cụ thể như sau:

LĨNH VỰC DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI

Ngành hàng ô tô tiếp tục gia tăng thị phần và quy mô hệ thống phân phối

Năm 2023, Savico đã thành công đưa quy mô toàn hệ thống lên 86 showroom trên toàn quốc, duy trì thị phần dẫn đầu về phân phối xe, chiếm 13,3% so với 11,9% thị phần năm 2022, tăng 1,3 điểm % so với cùng kỳ (theo báo cáo VAMA). Hệ thống Savico hiện đang phân phối 13 hãng xe bao gồm các thương hiệu lớn như Toyota, Ford, Mitsubishi và thương hiệu xe sang Volvo.

Doanh thu bán hàng và dịch vụ hợp nhất toàn ngành ô tô đạt 20.182 tỷ đồng, đạt 69% kế hoạch năm 2023, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán xe đạt 17.907 tỷ đồng, giảm 12%; được bù đắp bởi doanh thu dịch vụ đạt 1.705 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ.

Các dự án khai trương/ hoạt động trong năm 2023:

Dự án	Tiến độ thực hiện
Mitsubishi Bà Rịa – Vũng Tàu	Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 23/06/2023
Mitsubishi Trường Chinh	Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 28/06/2023
Mitsubishi Long An	Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 03/08/2023
Dana Ford (CN Nam Cẩm Lệ)	Chính thức đi vào hoạt động ngày 14/11/2023

Ngành hàng xe gắn máy duy trì sản lượng bán tăng trưởng khả quan trong bối cảnh thị trường có xu hướng thu hẹp

Thị trường xe máy Việt Nam 2023 tiếp tục xu hướng thu hẹp dần qua từng năm, song vẫn là thị trường lớn nhất Đông Nam Á với các xu hướng:

- Chuyển đổi sang xe điện,
- Dịch chuyển sang các dòng xe phân khối lớn,
- Phát triển kênh bán hàng online.
- Sản lượng xe máy toàn hệ thống năm 2023 đạt 8.646 xe, đạt 125% kế hoạch, tăng 24% so với cùng kỳ. Doanh thu toàn ngành xe máy đạt 339 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm 2023, tăng 4% so với cùng kỳ.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN GIỮ ĐÀ TĂNG TÍCH CỰC NHỜ VIỆC TRIỂN KHAI NHIỀU GIẢI PHÁP LINH HOẠT

Hiệu quả năm 2023

Chỉ tiêu (theo BC riêng)	ĐVT	TH 2022	TH 2023	% Cùng kỳ
Doanh thu Dịch vụ Bất động sản	Trđ	77.772	88.101	113%
LNTT Dịch vụ Bất động sản	Trđ	41.522	53.372	129%

Mặc dù là một năm khó khăn đối với bất động sản nói chung và bất động sản cho thuê nói riêng, Savico đã triển khai nhiều biện pháp thu hút, hỗ trợ khách hàng, tăng tỷ lệ khai thác. Doanh thu và lợi nhuận của mảng bất động sản cho thuê của Savico đạt 88 tỷ đồng và 53 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng tích cực trong năm 2023, tương ứng 13% với doanh thu và 29% lợi nhuận.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2024

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp và có xu hướng tăng trưởng chậm lại. GDP toàn cầu dự báo ở mức 2,6%-3,1% (OECD, IMF). Mục tiêu của Chính phủ Việt Nam năm 2024 là giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Qua đó, dự kiến sẽ đẩy mạnh đầu tư công và các chính sách hỗ trợ tăng trưởng, GDP tiếp tục đà phục hồi, mục tiêu GDP năm 2024 là 6-6,5%, lạm phát 4-4,5%.

Cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài đến từ các hiệp định thương mại tự do góp phần tạo động lực kinh tế phát triển. Việc giảm thuế VAT 2% tiếp tục là cú hích tăng trưởng trong 6 tháng đầu năm 2024. Mặt bằng lãi suất cho vay trong năm 2024 sẽ tiếp tục xu hướng giảm. Lãi suất huy động vốn sẽ duy trì ở mức thấp, trong khi lãi suất cho vay sẽ giảm thêm khoảng 1-1,5% so với năm 2023. Hàng loạt công trình giao thông trọng điểm hoàn thành cuối năm 2023, cơ sở hạ tầng thuận lợi sẽ thúc đẩy gia tăng nhu cầu ô tô.

Dự báo kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm lại, tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá sẽ tiếp tục duy trì đà phục hồi.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI

Năm 2024, một số chính sách thuế, phí xe ô tô, xe máy có tác động tích cực đến thị trường. Đối với xe điện, phí trước bạ lần đầu 0% trong 3 năm, giảm thuế TTĐB từ 15% về 3%. Chính sách miễn đăng kiểm lần đầu và tự động gia hạn đăng kiểm đối với xe ô tô mới. Giảm thuế VAT từ 10% xuống 8% đối với các nhóm hàng ô tô, xe máy không phải đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Nguồn cung giảm từ phía Nhà sản xuất một mặt là thách thức, song cũng là cơ hội để các Đại lý giữ được lợi nhuận gộp. Nhiều mẫu xe mới góp mặt cũng như sự nâng cấp từ mẫu xe quen thuộc góp phần sôi động thị trường ô tô 2024: Toyota Alphard, Mitsubishi Xforce, MG HS, Suzuki Jimny, Mazda... Xu hướng điện khí hóa ô tô ngày càng rõ nét, nhiều Hãng xe đang đẩy mạnh phát triển và có kế hoạch chính thức giao xe đến người tiêu dùng trong năm 2024.

Tuy nhiên, thị trường ô tô cũng phải đối mặt với một số thách thức và rủi ro ảnh hưởng đến sự cạnh tranh của các hãng và khả năng hấp thụ của thị trường. Cụ thể là việc hết hạn giảm 50% phí trước bạ đối với xe CKD có thể tác động làm giảm nhu cầu thị trường ô tô trong quý 1/2024. Bên cạnh đó, nhiều hãng xe Trung Quốc thâm nhập thị trường Việt Nam với giá bán cạnh tranh. Nguồn cung các thương hiệu xe thương mại dự kiến vẫn còn khan hiếm cho đến hết quý 3/2024, tuy nhiên cũng mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp gia nhập phân khúc này.

Thị trường ô tô được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng từ 5-8% với đa dạng sự lựa chọn trong năm 2024

LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Thị trường bất động sản năm 2024 được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với thách thức từ việc suy thoái kinh tế thế giới và Việt Nam, tuy nhiên có xu hướng phục hồi, cải thiện về tổng cung và tổng cầu. Tuy nhiên, từ cuối quý 3 trở đi sự phục hồi mới thể hiện rõ rệt và sẽ không đồng đều trên các phân khúc và khu vực. Sự phát triển mạnh của các loại hình bất động sản công nghiệp, logistic, công nghệ sẽ mở ra cơ hội để lấp đầy công suất khai thác kho của Savico.

Đối với mặt bằng, văn phòng cho thuê, khi nhu cầu thuê tăng, nguồn cung mặt bằng vị trí đẹp hạn chế là cơ hội để gia tăng doanh thu dịch vụ bất động sản.

MỤC TIÊU – NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

THUẬN LỢI, CƠ HỘI

- Việc giảm thuế VAT 2% tiếp tục được kỳ vọng sẽ là cú hích tăng trưởng trong 6 tháng đầu năm 2024. Mặt bằng lãi suất cho vay trong năm 2024 sẽ tiếp tục xu hướng giảm. Lãi suất huy động vốn sẽ duy trì ở mức thấp, trong khi lãi suất cho vay được dự báo sẽ giảm thêm khoảng 1-1,5% so với năm 2023.
- Bên cạnh đó, việc Chính phủ quyết tâm đẩy nhanh tiến độ các dự án cao tốc Bắc – Nam cùng với hàng loạt công trình giao thông trọng điểm hoàn thành cuối năm 2023 giúp cơ sở hạ tầng thuận lợi sẽ thúc đẩy nhu cầu mua xe ô tô trong tương lai.
- Các hãng dự kiến sẽ tiếp tục ra mắt các dòng xe mới trong năm 2024, giúp thị trường đa dạng nguồn cung và có thêm sự lựa chọn cho khách hàng. Thị trường ô tô dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng từ 5 – 8% trong năm 2024.

KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

Từ ngày 01/01/2024, chính sách giảm 50% thuế trước bạ đối với xe CKD chính thức hết hiệu lực, điều này có thể tác động tiêu cực đến đà phục hồi của ngành ô tô. Bên cạnh đó, bài học về hàng tồn kho năm 2023 đã làm cho các hãng cần trọng hơn trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất. Chính sách giảm giá của các hãng sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu về lợi nhuận gộp của các đơn vị. Đối với các thương hiệu xe thương mại, nguồn cung khan hiếm được dự báo sẽ tiếp tục kéo dài đến hết Quý 3/2024.

Từ những định hướng trên, Hội đồng quản trị thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 do Tổng Giám đốc đề xuất như sau:

CÁC MỤC TIÊU NĂM 2024

Chỉ tiêu (theo BCTC hợp nhất)	ĐVT	TH 2023	KH 2024	% Cùng kỳ
Sản lượng	Xe	36.637	38.929	106%
Doanh thu BH & CCDV	Trđ	20.852.169	24.230.657	116%
LNTT	Trđ	48.873	177.306	363%
LNST	Trđ	44.432	135.786	306%
LNTT BC Riêng	Trđ	88.069	58.288	66%
Cổ tức (VDL hiện tại)	%/VDL	5%	5%	100%



01

Cải tiến mô hình kinh doanh thông qua việc triển khai các dự án trọng điểm, tăng cường vai trò quản lý của công ty mẹ tới các Công ty thành viên, nâng cao hệ thống quản trị, nâng cao năng suất, hiệu suất chung.

02

Làm việc với các Công ty thành viên, các bộ phận về việc thống nhất các chỉ tiêu OKR, KPI 2024 và các giải pháp thực hiện tốt nhất các mục tiêu kế hoạch 2024 toàn hệ thống.

03

Theo dõi, cập nhật, phân tích dự báo, chia sẻ thông tin về tình hình thị trường, chính sách Chính phủ và Nhà sản xuất để đề ra các giải pháp linh hoạt, kịp thời

04

Tối ưu hệ sinh thái Savico, cộng hưởng với nguồn lực trong hệ thống Tasco; chú trọng gia tăng tỷ lệ khai thác, hiệu quả các mảng giá trị gia tăng (phụ kiện, bảo hiểm, dịch vụ tài chính, đăng ký xe...) để phát triển chuỗi dịch vụ toàn diện liên quan đến ô tô.

05

Đẩy mạnh các giải pháp nhằm gia tăng số lượt, doanh thu dịch vụ thông qua các hoạt động chăm sóc khách hàng, liên kết Đơn vị bảo hiểm, mobile service, chính sách khuyến mãi phù hợp.

06

Gia tăng công suất khai thác trung tâm thương mại (TTTM), mặt bằng, văn phòng, kho bãi... đảm bảo doanh thu, lợi nhuận dịch vụ bất động sản tăng trưởng bền vững. Phát triển quỹ đất mới, chuẩn bị hạ tầng phù hợp với nhu cầu đầu tư, phát triển đại lý mới.

07

Tập trung quản trị dòng tiền, quản trị chi phí... để gia tăng hiệu quả mỗi Công ty thành viên và sự phát triển bền vững của hệ thống.

08

Phát triển mạng lưới: Đẩy mạnh việc tìm kiếm, mở rộng, phát triển đại lý mới/ thương hiệu mới trong giai đoạn 2024 – 2027 để giữ vững thị phần của hệ thống Savico trong nhà sản xuất, toàn thị trường.

09

Đối tác chiến lược: Duy trì và nâng tầm hợp tác với các đối tác ngân hàng chiến lược hiện hữu, tìm kiếm đối tác bổ sung để gia tăng hạn mức tín dụng với lãi suất ưu đãi, đảm bảo dòng tiền hoạt động.

10

Phát triển đội ngũ nhân sự tinh nhuệ, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân sự lãnh đạo kế cận, quy hoạch nhân sự và điều chỉnh các chính sách nhân sự nhằm thu hút và giữ nhân sự giỏi.

11

Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo và phát triển đội ngũ thông qua các chương trình đào tạo đa dạng và chuyên sâu ở tất cả các cấp nhân viên trong hệ thống, học hỏi kinh nghiệm thực tiễn để áp dụng đồng bộ và hiệu quả. Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các đối tác quốc tế như Havard để thúc đẩy các chương trình phát triển tổ chức và con người bổ sung cho hệ thống.

12

Hoàn thiện chương trình chuyển đổi số để gia tăng giá trị cho khách hàng và tăng năng suất hiệu quả vận hành.

Trước dự báo về diễn biến khó lường thị trường và các tác động đến nền kinh tế, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh khi thị trường có sự biến động lớn.

Hội đồng quản trị sẽ luôn cùng với Tổng Giám đốc, Ban điều hành, cán bộ đại diện vốn và toàn thể cán bộ nhân viên hệ thống tăng cường hợp lực, đoàn kết, phát huy sức mạnh nội bộ, tận dụng hiệu quả các cơ hội của thị trường, vững vàng theo đuổi mục tiêu trở thành một doanh nghiệp đầu tư ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập vào khu vực và quốc tế.

Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn những nỗ lực, cống hiến cho một năm đầy khó khăn, biến động, thử thách của cán bộ lãnh đạo, cán bộ nhân viên toàn hệ thống; xin cảm ơn sự hợp tác, ủng hộ của Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông, Quý lãnh đạo các cấp trung ương và địa phương, những người đã tin tưởng và đồng hành cùng Công ty và hệ thống trong hành trình hướng đến một tương lai phát triển bền vững và thịnh vượng.

GIẢI TRÌNH Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Nội dung cần giải trình: không có.

Theo ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán BDO - tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Savico thì các BCTC riêng, hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



04
QUẢN TRỊ
DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mặc dù không thể tránh khỏi xu hướng suy thoái chung của kinh tế thế giới, song nền kinh tế Việt Nam vẫn có những dấu hiệu phục hồi nhờ các nỗ lực của Chính phủ trong việc ban hành các chính sách kích cầu, điều tiết nền kinh tế vĩ mô, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo.

Mặc dù đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự tham gia sâu sát của Hội đồng quản trị và sự đồng lòng đoàn kết, ý chí vượt khó, từng thành viên lãnh đạo, quản lý, cán bộ nhân viên và các doanh nghiệp trong hệ thống, Công ty đã tận dụng tốt cơ hội của thị trường, đưa toàn hệ thống an toàn vượt qua giai đoạn khủng hoảng, củng cố nguồn lực để sẵn sàng bứt phá.

Kết quả hợp nhất 2023, Savico ghi nhận Doanh thu hợp nhất đạt 20.852 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch năm 2023, giảm 2% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế báo cáo riêng công ty mẹ Savico đạt 88,069 tỷ đồng đạt 46% kế hoạch năm 2023, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 48,9 tỷ đồng, đạt 9% kế hoạch năm 2023.

Cùng với việc gia tăng quy mô hệ thống, giữ vị thế là đơn vị phân phối và dịch vụ ô tô lớn nhất Việt Nam với 13,3% thị phần, tăng 1,3 điểm % so với cùng kỳ (theo VAMA 2023), Savico cũng thực hiện những điều chỉnh kịp thời trong chiến lược kinh doanh, linh hoạt thích ứng với từng giai đoạn và đạt được nhiều kết quả quan trọng, đồng thời nâng cao hiệu quả của mảng dịch vụ giá trị gia tăng, cung cấp chuỗi giá trị trọn vòng đời của xe cho khách hàng đến với showroom của Savico như mua xe mới, mua bán xe cũ, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe, dịch vụ spa xe, dịch vụ vay vốn cho khách hàng, dịch vụ đăng ký, đăng kiểm xe,...

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, Ban điều hành thông qua việc: triển khai, thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, kế hoạch trong năm đã cam kết qua các cuộc họp định kỳ và bổ sung của Hội đồng quản trị; qua trao đổi, thảo luận tại các chương trình làm việc nhằm đảm bảo tính chính xác, phù hợp, kịp thời và hiệu quả; thực hiện đúng các quy định về báo cáo tài chính quý, bán niên, năm và báo cáo thường niên.

Hội đồng quản trị cũng đã phối hợp với Ban kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty và các đơn vị thành viên, từ đó có những định hướng, chủ trương thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị giao.

Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã có sự nỗ lực lớn, có nhiều giải pháp điều hành thiết thực, quyết liệt để thực hiện các nhiệm vụ được giao năm 2023 trong việc điều hành Công ty cũng như chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống thực hiện các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao; tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị

Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc, Ban điều hành cũng cần tiếp tục cải thiện và nâng cao năng lực; tập trung hoàn thiện xử lý các thủ tục pháp lý một số dự án bất động sản và kiểm soát tốt hơn nữa công nợ, hàng tồn kho trong cũng như có các giải pháp phù hợp để đảm bảo an toàn tài chính của toàn hệ thống trong bối cảnh thị trường tài chính được dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2024.

VỀ QUẢN TRỊ

Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết cũng như Điều lệ, công ty luôn tôn trọng, đảm bảo quyền và đối xử bình đẳng với tất cả các cổ đông gồm quyền lợi về tài chính, tiếp cận thông tin và tham gia vào một số quyết định quan trọng của Công ty thông qua việc công bố đầy đủ, công khai, kịp thời các thông tin theo quy định.

Năm 2023, Công ty đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng hình thức họp trực tiếp vào ngày 28/04/2023 để thông qua nhiều nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Về nhân sự lãnh đạo cấp cao, trong năm 2023 Công ty đã miễn nhiệm 05 thành viên HĐQT, bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT. Đồng thời giảm số lượng thành viên HĐQT từ 09 thành viên xuống còn 07 thành viên. Ngoài ra, Công ty đã miễn nhiệm và bầu thay thế 01 thành viên Ban Kiểm soát; miễn nhiệm và bổ nhiệm mới chức danh Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật của công ty.

Việc công bố thông tin đối với công ty niêm yết cũng như các giao dịch liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý và các cổ đông lớn được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn theo đúng quy định pháp luật.

Các hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cao nhất cho các bên có liên quan; song song đó, Công ty luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn để cán bộ nhân viên yên tâm làm việc và phát huy thế mạnh.

Năm 2023, Savico cũng chính thức trở thành thành viên của Tasco. Theo đó, Savico sẽ cùng với Tasco Auto và các đơn vị thành viên trong hệ thống cung cấp chuỗi giá trị dịch vụ toàn diện, trọn đời cho xe và chủ xe, giữ vững vị thế là đơn vị phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam và vươn tầm khu vực.

Về Báo cáo các giao dịch có liên quan của Công ty

Trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, trong năm 2023, Công ty đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan bao gồm các công ty con thông qua hoạt động đầu tư, cung cấp/sử dụng dịch vụ, mua bán hàng hóa của Công ty và các Công ty con theo quy định; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp. Thông tin về các giao dịch cụ thể đã được Công ty báo cáo thuyết minh chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.

VỀ CỔ TỨC

Tháng 05/2023, công ty đã tiến hành chi tạm ứng cổ tức năm 2022 với mức 5%. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, các cổ đông cũng đã biểu quyết thông qua mức cổ tức năm 2022 là 5%, tương đương với mức cổ tức mà công ty đã tạm ứng.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 theo đúng các quy định của pháp luật cũng như Điều lệ công ty.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo rà soát, tiến hành sửa đổi, bổ sung các Quy chế gồm: Quy chế quản lý người đại diện vốn Savico tại Doanh nghiệp khác, Quy chế Quản lý tài chính

Hội đồng quản trị cũng đã theo dõi sát diễn biến của thị trường. Chủ tịch Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp trực tiếp với Tổng Giám đốc, Ban Điều hành cũng như các Hội nghị chiến lược để định hướng, hỗ trợ kịp thời cho các đơn vị nhằm giữ ổn định, an toàn hoạt động kinh doanh, tài chính và nhân sự toàn hệ thống. Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực và và hiệu quả, đảm bảo tính tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được các thành viên giải quyết với tinh thần tập trung, nhanh chóng, trách nhiệm và đảm bảo quyền lợi của Công ty, của cổ đông.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp và 37 lần trưng cầu ý kiến bằng văn bản. Thông qua các phiên họp và các đợt trưng cầu ý kiến, Hội đồng quản trị đã ban hành 47 Nghị quyết để thông qua các chủ trương liên quan đến hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị trong hệ thống.

Các thành viên Hội đồng quản trị được cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời và cụ thể; được tạo điều kiện tiếp xúc, tham gia sâu vào các hoạt động của Công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên cơ sở thông tin rõ ràng và đầy đủ. Các chỉ đạo, kết luận được ban hành sớm để thực hiện. Các quyết định của Hội đồng quản trị được công bố công khai theo quy định pháp luật và tự nguyện.

Năm 2023 cũng chứng kiến sự tái cấu trúc mạnh mẽ trong cơ cấu tổ chức của công ty và toàn hệ thống theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tập trung quản trị theo mục tiêu. Điều này góp phần giúp Công ty tối ưu được nguồn lực để vượt qua giai đoạn khó khăn.

Việc duy trì và sử dụng chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tiếp tục được thực hiện phù hợp, tiết kiệm. Năm 2023, Công ty đã thực hiện việc trích lập chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023:

Số dư đầu kỳ 1/1/2023	3.443.445.819
- Trích quỹ theo NQ ĐHĐCĐ 2023	366.103.578
Chi trong năm	139.500.000
- Kinh phí hoạt động của HĐQT (công tác, tiếp khách, thưởng)	0
- Thù lao HĐQT, BKS (quý 4/2022)	139.500.000
Tạm trích 2% Kinh phí HĐQT năm 2023: không tạm trích	0
Số dư tại ngày 31/12/2023	3.670.049.397

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Trong năm 2023, Thành viên độc lập HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Thành viên độc lập HĐQT của Công ty đủ năng lực, kinh nghiệm chuyên môn và đáp ứng đúng các tiêu chí theo quy định. Bên cạnh đó, thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ, tích cực vào hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực, thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm, góp phần đảm bảo việc ra quyết định được khách quan, độc lập.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2023, thành viên độc lập HĐQT nhận định chung như sau:

Về cơ cấu tổ chức và các cuộc họp HĐQT

Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực;

HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp theo đúng nguyên tắc, quy định;

Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý...đều được thảo luận, kiểm soát chặt chẽ giữa HĐQT và Ban TGD.

Về công tác quản trị và giám sát

HĐQT đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

Thành viên HĐQT giữ chức danh trong Ban TGD tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban TGD.

HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban TGD thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Công ty và các cổ đông.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty đại chúng;

HĐQT Công ty đã duy trì và tổ chức nhiều cuộc họp định kỳ, bất thường qua nhiều phương thức khác nhau theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để kịp thời đưa ra các quyết định/nghị quyết liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của Công ty;

Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, đúng quy định.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

Các thành viên Hội đồng quản trị và các cán bộ quản lý của Công ty tích cực nghiên cứu, tham gia các khóa đào tạo, hội thảo liên quan đến quản trị, điều hành và kiểm soát để hiểu hơn, nâng cao trình độ và vận dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị, điều hành và kiểm soát Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các nội dung công tác kiểm soát chủ yếu mà Ban Kiểm soát đã thực hiện gồm:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023 đối với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đến nay theo các quy định
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đến nay.

Kết quả giám sát của Ban Kiểm soát:

- Các hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và với nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cũng như tôn trọng các thỏa thuận, cam kết với các đối tác có liên quan.
- Báo cáo đánh giá về hoạt động của Công ty và công tác quản lý, giám sát của Hội đồng Quản trị; Báo cáo tình hình kinh doanh của Tổng Giám đốc được trình bày đầy đủ trong tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, được ban hành hợp pháp và trình bày trung thực các đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty cũng như về công tác quản lý năm 2023 của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
- Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các buổi họp Hội đồng Quản trị, tham gia giám sát các buổi kiểm phiếu trưng cầu ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị để kịp thời nắm bắt, ghi nhận tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty. Ban Kiểm soát cũng đã có các khuyến nghị đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



Chiến lược phát triển nhân sự của Savico tập trung vào xây dựng nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn tốt đồng thời có khả năng thích ứng cao với những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh. Công ty tin rằng đội ngũ nhân sự chính là nguồn tài sản quý giá nhất và là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của doanh nghiệp, giúp nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng sự hài lòng của khách hàng.

Cùng với các chính sách thu hút những tài năng trong ngành ô tô, các hoạt động phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong những lĩnh vực then chốt, Savico luôn cố gắng tạo cho đội ngũ của mình một môi trường làm việc minh bạch, cởi mở, là nơi nuôi dưỡng tài năng, khuyến khích sự đổi mới và có chế độ đãi ngộ tương xứng.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Thu hút nhân sự mới với nền tảng học vấn tốt, kinh nghiệm tại các tổ chức uy tín trong nước và nước ngoài cộng hưởng cùng với việc gắn kết các nhân sự trưởng thành từ Savico sẽ tạo nên sức mạnh vượt trội nhằm thực thi và hiện thực hóa các chiến lược phát triển của Savico. Việc thu hút nhân tài của Công ty không chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm ứng viên đáp ứng nhu cầu hiện tại, mà còn cần xây dựng nguồn nhân lực để bổ sung cho đội ngũ trong tương lai. Savico kết hợp cùng Tasco đã phát triển và hoàn thiện nhiều kênh đăng tuyển, ứng tuyển trực tuyến; kết nối với các cộng đồng tuyển dụng; hợp tác hiệu quả với các đối tác trong lĩnh vực tuyển dụng để tiếp cận, kết nối với ứng viên tiềm năng. Cơ hội tuyển dụng tại Công ty luôn được đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng. Bộ tiêu chí phục vụ công tác tuyển dụng được xây dựng và áp dụng, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, mang lại cơ hội đồng đều cho ứng viên, cũng như tiếp tục khẳng định lòng tin cũng như sự tự hào khi gia nhập Savico của thành viên mới.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Đào tạo và phát triển nhân lực này ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp. Chính vì lẽ đó, SAVICO rất chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng, Trung tâm đào tạo SAVICO kết hợp với Tasco Academy tổ chức các lớp đào tạo cho hệ thống Savico: chuyên đề phân tích nguyên nhân và chẩn đoán sửa chữa chung; Nâng cao kỹ năng quản lý và lãnh đạo; Giải quyết khiếu nại trên nền tảng pháp lý; Kiến thức sản phẩm nâng cao; Kỹ năng bán hàng nâng cao; Nhận diện tính cách khách hàng; Xây dựng trải nghiệm khách hàng xuất sắc với 1.301 lượt CBNV tham gia đào tạo. Trong năm 2023, Trung tâm đào tạo Savico đã triển khai 61 lớp đào tạo chuyên môn và kỹ năng cho hệ thống Savco. Ngoài ra, Các doanh nghiệp trong hệ thống cũng áp dụng chính sách đào tạo nghề ô tô, kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng, tiếp thị quảng bá sản phẩm theo chương trình của nhà cung cấp và đã cử 3.998 lượt CBNV tham gia các khóa học.

Khóa đào tạo	Số lượng	Đối tượng
Đào tạo kỹ năng quản lý	5	Cấp quản lý
Kỹ năng bán sản phẩm ô tô	50	Tư vấn bán hàng
Xây dựng trải nghiệm khách hàng	2	Chăm sóc Khách hàng
Digital marketing	1	Tư vấn bán hàng
Đào tạo kỹ năng tuyển dụng	1	Nhân sự tuyển dụng
Kỹ năng sửa chữa xe ô tô	2	Kỹ thuật viên

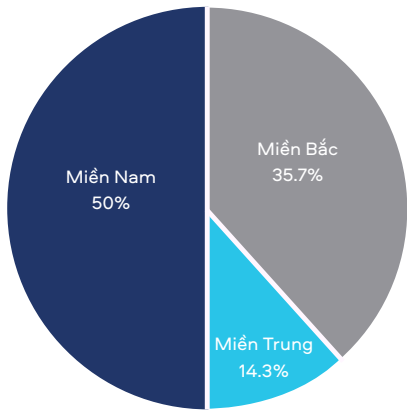
PHÂN BỐ CÁC LỚP TRONG NĂM 2023

Trong đó:

Miền Nam: 28 lớp

Miền Bắc: 20 lớp

Miền Trung: 8 lớp



05

***PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG***



TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SAVICO tiếp tục kiên định với sứ mệnh mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm, dịch vụ uy tín, nâng cao chất lượng và giá trị cuộc sống. Vì vậy, chúng tôi luôn gắn liền Tăng trưởng kinh tế với Bảo vệ môi trường, Trách nhiệm xã hội và Quản trị doanh nghiệp tinh gọn, hiệu quả - các yếu tố đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển bền vững của SAVICO. Trên cơ sở đó, hoạt động phát triển bền vững của SAVICO tập trung vào các định hướng sau:

Bảo vệ môi trường và xanh hóa hoạt động kinh doanh (E): Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm số hóa các hoạt động để giảm thiểu tác động đến môi trường.

Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội (S): Xây dựng cộng đồng bền vững thông qua chuỗi giá trị dịch vụ ô tô toàn diện, phục vụ khách hàng trọn vòng đời phương tiện. Đồng thời, tích cực triển khai các hoạt động xã hội, từ thiện để giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, phát triển cộng đồng bền vững. Đảm bảo tạo công ăn việc làm cho cộng đồng với cho hệ thống nhân sự gần 8.000 cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống.

Quản trị tinh gọn, hiệu quả (G): Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại, linh hoạt, tối ưu hiệu quả quản trị công ty. Tích hợp các vấn đề ESG trong hoạt động kinh doanh, quản trị chuỗi cung ứng và quản trị rủi ro, hướng đến phát triển bền vững.

PHẠM VI BÁO CÁO

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2023 của SAVICO, bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc ngày 31/12/2023. Các báo cáo về hoạt động kinh tế, môi trường và xã hội được tổng hợp từ các hoạt động chính được thực hiện tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Báo cáo được lập tại Việt Nam, trong lĩnh vực ngành nghề dịch vụ phân phối ô tô, đầu tư kinh doanh dịch vụ bất động sản, các lĩnh vực trọng yếu được xác định dựa trên đánh giá kết hợp giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và tác động của chúng tới SAVICO, nhằm phác họa toàn cảnh bức tranh hoạt động của Công ty trong năm, và định hướng phát triển bền vững cho tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) cam kết nỗ lực mở rộng phạm vi và giới hạn.

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Cách tiếp cận các vấn đề về phát triển bền vững của SAVICO xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của toàn xã hội. Những vấn đề liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững tiếp tục được SAVICO đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, xác định rõ các vấn đề trọng yếu để từ đó thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện đầy đủ hơn trong nội dung báo cáo phát triển bền vững năm 2023, nhằm mang đến giá trị tối ưu cho cổ đông, duy trì sự tương tác và đối thoại hiệu quả trong tất cả mối quan hệ giữa CBNV, đối tác, cộng đồng xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan trong mục tiêu phát triển bền vững.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phát triển bền vững là chiến lược trọng yếu của Công ty tác động đến các bên liên quan. Chúng tôi hoan nghênh mọi nhận xét và phản hồi để thảo luận và cải thiện bất kỳ khía cạnh nào của bản báo cáo liên quan đến vấn đề phát triển bền vững. Mọi ý kiến đóng góp, vui lòng gửi về địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN (SAVICO).

Điện thoại: 028 3821 3913

Fax: 028 3821 3553

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh.

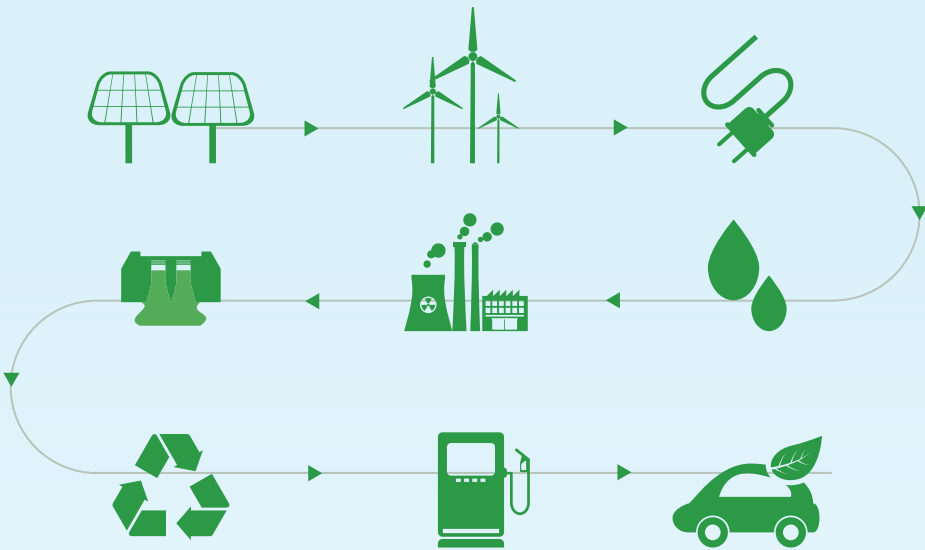
Email: ir@savico.com.vn

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VỚI THỰC HIỆN ĐÓNG GÓP CHO PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

SAVICO xác định doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững khi gắn kết mục tiêu tăng trưởng kinh tế, quản trị doanh nghiệp với thực hiện đóng góp cho phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Nếu không kết hợp các mục tiêu, doanh nghiệp khó có thể phát triển bền vững do sẽ phải gánh chịu tác động từ sự bất ổn và mất cân đối về kinh tế, xã hội và môi trường.

Nhằm hiện thực hóa các mục tiêu về phát triển bền vững, trong năm 2023, Ban Phát triển bền vững và Ban Tổng Giám đốc SAVICO đã bám sát theo định hướng của Hội đồng Quản trị, tích cực chỉ đạo triển khai các hoạt động ESG song hành với đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



- Bên cạnh việc tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư kinh doanh, SAVICO luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường để hướng tới doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, chung tay cùng cộng đồng. Đa số các đơn vị ngành ô tô trong hệ thống SAVICO đều đang cam kết và áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.
- Tại Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong hệ thống đều có các quy định cụ thể liên quan đến vệ sinh môi trường; các định mức sử dụng điện nước, nhiên liệu, nguyên vật liệu; tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Bên cạnh đó, để đảm bảo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động, tạo nên một không gian làm việc “Xanh - Sạch - Đẹp”, SAVICO thường xuyên thực hiện chương trình văn phòng làm việc xanh tại văn phòng Công ty bằng cách trồng và trang trí các cây xanh tại sảnh lớn, lối đi, bàn làm việc...; các Công ty thành viên tích cực tham gia các chương trình trồng cây phủ xanh Trái Đất, tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật để thông thoáng nhà xưởng, giảm độ ồn và trang bị hệ thống quạt hút, quạt công nghiệp cho những cơ sở bảo hành, sửa chữa cũng như thực hiện đo đạc thông số môi trường làm việc định kỳ đạt yêu cầu của pháp luật.

CHỈ TIÊU XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình thu nhập bình quân của Người lao động	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Mức lương trung bình (triệu đồng)	11,9	12,3	12,3	9,3	12,8	13,1
Tổng số lao động	4.824	5.455	5.498	5.729	6.163	6.613

Do đặc điểm của hoạt động kinh doanh cần nhiều lao động kỹ thuật, lực lượng lao động nam chiếm đa số trong hệ thống SAVICO.

Phân theo giới tính	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Nữ	1.207	1.226	1.326	1.293	1.401	1.486
Nam	3.617	4.229	4.172	4.436	4.762	5.127
Tổng số lao động	4.824	5.455	5.498	5.729	6.163	6.613

Phân theo trình độ học vấn	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Đại học trở lên	1.895	2.250	2.361	2.465	2.846	2.930
Cao đẳng	861	1.232	1.252	1.352	1.531	1.701
Trung cấp	882	510	562	643	751	851
Lao động đã qua đào tạo	756	854	864	791	862	926
Lao động phổ thông	430	609	459	478	173	205
Tổng số lao động	4.824	5.455	5.498	5.729	6.163	6.613

Hệ thống SAVICO thực hiện chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi gắn liền với kết quả kinh doanh, năng lực chuyên môn, khối lượng và chất lượng công việc của mỗi nhân viên; tương xứng với công sức, trách nhiệm và hiệu quả lao động; đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh với các công ty cùng ngành nghề và khu vực. Thu nhập bình quân năm 2023 của người lao động trong hệ thống đạt 13,1 triệu đồng/người/tháng, tăng 10,8% so với bình quân năm 2022 là 12,8 triệu đồng/người/tháng.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

SAVICO và các đơn vị trong hệ thống thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, hỗ trợ ăn trưa, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn con người, trợ cấp ốm đau...

Trong năm 2023, Công ty mẹ thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe PTI cho CBNV công ty. Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm các chính sách quà tặng sinh nhật, quà tặng cưới hỏi, quà tặng nhân ngày 8/3, 20/10; hỗ trợ học bổng khuyến học cho các em học giỏi là con của CBNV công ty; chăm lo cho các thiếu nhi là con của người lao động nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6; chăm lo tết âm lịch cho người lao động...

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng trước hết phải kể đến chính là trách nhiệm và nghĩa vụ với đội ngũ lao động trong hệ thống Công ty.

Không chỉ thể hiện sự quan tâm đối với chính sách phúc lợi dành cho người lao động, SAVICO còn chú trọng đến các hoạt động vì sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Với tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, SAVICO đã thực hiện nhiều hoạt động từ thiện nhằm hỗ trợ cộng đồng, mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho các cá nhân và các địa phương có hoàn cảnh khó khăn với các hoạt động tiêu biểu như: Chương trình “Nghĩa tình biên giới” tại tỉnh Bình Phước; Chương trình “Trao yêu thương - Chắp cánh tương lai” tại tỉnh Long An, Chương trình “Cùng Savico - Giọt hồng yêu thương”; Chương trình thiện nguyện “Nấu ăn cho em”; Thăm hỏi và tặng quà tại mái ấm Thiện Duyên nhân dịp tết Trung thu 2023; Chương trình tặng quà cho các bệnh nhân ung thư tại Khoa Ung bướu Phụ khoa - Bệnh viện Từ Dũ nhân dịp 20/10; Chương trình “Đồng hành tri thức - Vững bước tương lai” tại Kiên Giang, Tặng quà cho những em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong học tập tại trường Tiểu học Lý Tự Trọng, Lâm Đồng... với tổng số tiền hơn 1 tỷ đồng. Những hoạt động này được xem là hết sức thiết thực và ý nghĩa, không chỉ góp phần cùng xã hội hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội phồn vinh, một đất nước Việt nam giàu đẹp và vững mạnh; mà còn là động lực để tập thể Savico không ngừng phấn đấu và hoàn thiện, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững.

ĐẨY MẠNH VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VỮNG MẠNH

Xây dựng những đặc điểm văn hoá khác biệt, tạo ấn tượng tốt trong công tác xây dựng hình ảnh thương hiệu

Tại SAVICO, văn hóa doanh nghiệp được xây dựng vững chắc từ những ngày đầu thành lập. Phong cách lãnh đạo mẫu mực, tâm huyết của các thể hệ lãnh đạo; sự đoàn kết, năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ nhân viên; tinh thần tương trợ, quan tâm, chia sẻ, hài hòa lợi ích, trách nhiệm của từng cá nhân, tập thể và cộng đồng là những nét bản sắc rất riêng của SAVICO.

Phát huy những giá trị trên nền tảng có được, năm 2023 SAVICO tiếp tục xây dựng những đặc điểm văn hoá khác biệt, góp phần củng cố và phát triển hơn nữa hình ảnh thương hiệu của SAVICO với những nét son đáng ghi nhận như sau:

- Theo đuổi văn hoá quản trị điều hành theo hướng văn hoá cộng đồng, đảm bảo tính công bằng hợp lý trên toàn hệ thống, trên tiêu chí minh bạch hóa mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành, tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn bó cho toàn thể CBNV.
- SAVICO mang đến cho từng CBNV của mình môi trường làm việc cởi mở, công bằng, được đào tạo chuyên nghiệp... để có thể phát huy tối đa năng lực làm việc và xây dựng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh. Theo đó mỗi CBNV là một đại sứ đưa SAVICO trở thành thương hiệu ngày càng uy tín trên thị trường và cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam.

Cùng với định hướng chiến lược 2020 – 2025 của toàn hệ thống, công tác phát triển thương hiệu của SAVICO chắc chắn sẽ có nhiều đổi mới để bắt kịp với xu thế và tầm nhìn chung của toàn hệ thống. Nhưng với những nền tảng vững vàng đã có , SAVICO cùng với đội ngũ lãnh đạo, quản lý, CBNV giàu kinh nghiệm và năng lực vững tin vượt qua mọi thử thách, đưa thương hiệu SAVICO vươn tầm cao mới. SAVICO và hệ thống đơn vị thành viên đã và đang nhận được sự chung tay, góp sức của hơn 6.000 người lao động trên toàn quốc ở tất cả các hoạt động thiện nguyện của hệ thống; nhận được sự tin yêu của khách hàng; sự ghi nhận, khích lệ từ chính quyền, ban ngành địa phương. Những hoạt động này được xem là hết sức thiết thực và ý nghĩa, không chỉ góp phần cùng xã hội hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội phồn vinh, một đất nước Việt nam giàu đẹp và vững mạnh; mà còn là động lực để tập thể SAVICO không ngừng phấn đấu và hoàn thiện, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững. Hệ thống SAVICO đang tiếp tục với định hướng xây dựng chiến lược kinh doanh gắn liền với Phát triển bền vững. Thông qua đó không chỉ mang đến sự bền vững trong hoạt động của SAVICO và hệ thống nói riêng mà còn chung tay cùng chính quyền địa phương để góp phần tạo dựng sự thịnh vượng chung cho toàn xã hội.

Hướng đến mục tiêu xây dựng hình ảnh thương hiệu phát triển bền vững,

SAVICO

CAM KẾT :



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Xây dựng những đặc điểm văn hoá khác biệt, tạo ấn tượng tốt trong công tác xây dựng hình ảnh thương hiệu

Bên cạnh hoạt động kinh doanh chính, toàn hệ thống SAVICO cũng rất chú trọng đến trách nhiệm cộng đồng, xã hội và địa phương như một cách chia sẻ cùng cộng đồng. Cụ thể:

- Chương trình thiện nguyện “Nghĩa tình biên giới”, tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Lộc Thịnh và xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Chương trình “Trao yêu thương - Chắp cánh tương lai” tại Trường Tiểu học & THCS Hưng Điền A - Xã Hưng Điền A, huyện Vĩnh Hưng, Long An.
- Chương trình thiện nguyện “Nấu ăn cho em”, nấu bữa trưa cho các em nhỏ vùng sâu vùng xa của tỉnh Bình Phước.
- Chương trình “Cùng Savico - Giọt hồng yêu thương”.
- Tới thăm, tặng quà và hỗ trợ bữa ăn cho các bệnh nhân, người già neo đơn và trẻ em cơ nhỡ tại mái ấm Thiện Duyên nhân dịp tết Trung thu 2023.
- Tổ chức tới thăm, động viên, và tặng quà cho các bệnh nhân ung thư tại Khoa Ung bướu Phụ khoa - Bệnh viện Từ Dũ nhân dịp 20/10.
- Chương trình “Đồng hành tri thức - Vững bước tương lai”, tặng thiết bị dạy học cho trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Hiệp B - Kiên Giang.
- Tặng quà cho những em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong học tập tại trường Tiểu học Lý Tự Trọng, Lâm Đồng.

06

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

QUYẾT ĐỊNH SỐ

3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
------------	---------------------------

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 5 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 666.305.640.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với mã chứng khoán SVC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/4/2023)
Ông Mai Việt Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)
Ông Nguyễn Ngọc Châu	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)
Ông Phan Dương Cửu Long	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)
Bà Trần Hằng Thu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)
Bà Trần Thị Hồng Bích	Thành viên
Ông Đỗ Quốc Tuyển	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)
Ông Trần Xuân Ánh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/4/2023)
Ông Trần Quang Trường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/4/2023)
Ông Hồ Việt Hà	Thành viên
Ông Trần Đức Huy	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Ông Hà Tôn Trung Hạnh	Trưởng ban
Ông Ngô Hòa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)
Ông Bùi Thành Việt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/4/2023)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Hồ Việt Hà	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/4/2023)
Ông Phan Dương Cửu Long	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/6/2023)
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/6/2023)
Bà Trần Hằng Thu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/6/2023)
Ông Võ Minh Lực	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/6/2023)
Ông Đỗ Quốc Tuyển	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/3/2023)
Ông Trần Hải Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/12/2023)
Ông Trần Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/3/2023 đến 16/6/2023)

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- (a) Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- (b) Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- (c) Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- (d) Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 đính kèm được trình bày từ trang 07 đến trang 65. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn, được lập ngày 29 tháng 02 năm 2024 từ trang 07 đến trang 65, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 02 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.968.497.327.853	3.465.306.730.854
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	V.1	442.863.937.073	524.075.417.767
Tiền	111		355.851.355.376	372.648.846.755
Các khoản tương đương tiền	112		87.012.581.697	151.426.571.012
ii. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120		141.865.294.918	112.047.803.187
Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	28.274.992.543	27.452.052.543
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	(15.756.098.581)	(15.418.373.548)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	129.346.400.956	100.014.124.192
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		2.026.123.873.607	931.913.753.438
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	769.429.321.786	575.841.431.943
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	175.711.950.883	161.707.582.264
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2.3	7.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	1.082.898.168.137	195.660.115.773
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9.415.567.199)	(3.795.376.542)
IV. HÀNG TỒN KHO	140	V.6	1.275.346.134.360	1.801.406.855.451
Hàng tồn kho	141		1.277.778.183.733	1.808.111.570.291
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.432.049.373)	(6.704.714.840)
V TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		82.298.087.896	95.862.901.011
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	32.877.191.999	15.885.588.538
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.790.040.255	78.811.944.793
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	10.630.855.642	1.165.367.680

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		3.205.365.856.119	2.681.418.732.586
i. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210		444.115.158.141	243.752.799.166
Trả trước cho người bán dài hạn	212		2.442.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	443.508.189.967	245.587.830.992
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.835.031.826)	(1.835.031.826)
ii. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		911.834.543.027	737.686.466.404
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	802.479.878.684	657.127.446.483
Nguyên giá	222		1.341.641.844.254	1.130.530.158.799
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(539.161.965.570)	(473.402.712.316)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	13.325.698.262	-
Nguyên giá	225		13.765.114.987	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(439.416.725)	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	96.028.966.081	80.559.019.921
Nguyên giá	228		116.453.598.738	98.241.981.256
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.424.632.657)	(17.682.961.335)
iii. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	230	V.10	647.904.438.594	640.939.309.433
Nguyên giá	231		947.102.808.305	926.539.323.852
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(299.198.369.711)	(285.600.014.419)
IV. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN	240		425.003.627.096	456.325.438.975
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	425.003.627.096	456.325.438.975
V ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250		535.148.718.754	511.594.805.621
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.4	507.893.595.608	485.123.341.621
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.5	24.631.579.924	24.760.264.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.5	(376.456.778)	(488.800.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.2	3.000.000.000	2.200.000.000
VI TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		241.359.370.507	91.119.912.987
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	66.454.353.808	47.320.698.313
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		35.729.179.322	2.164.490.472
Lợi thế thương mại	269	V.13	139.175.837.377	41.634.724.202
Tổng cộng tài sản	270		7.173.863.183.972	6.146.725.463.440

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.733.932.466.976	3.691.056.042.644
I. NỢ NGẮN HẠN	310		2.878.577.855.062	3.232.120.452.981
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	358.359.240.460	304.406.987.728
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15.1	114.307.906.029	201.836.946.592
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	80.590.005.527	50.774.730.047
Phải trả người lao động	314		120.176.634.495	210.493.064.447
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	54.567.587.030	66.751.374.411
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18.1	31.296.775.241	15.720.123.156
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19.1	124.760.319.094	389.304.359.655
Vay ngắn hạn	320	V.20.1	1.981.362.752.370	1.974.131.437.434
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.383.918.207	508.918.207
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.772.716.608	18.192.511.304
II. NỢ DÀI HẠN	330		1.855.354.611.914	458.935.589.663
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15.2	14.550.260.040	9.584.695.807
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18.2	53.351.682.700	67.801.443.397
Phải trả dài hạn khác	337	V.19.2	1.063.183.457.863	(103.623.535.140)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.2	724.269.211.311	277.925.915.319
D NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	V.21	2.439.930.716.997	2.455.669.420.796
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		2.439.930.716.997	2.455.669.420.796
Vốn góp của chủ sở hữu	411		666.305.640.000	333.205.320.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		666.305.640.000	333.205.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.597.348.871	234.597.348.871
Vốn khác của chủ sở hữu	414		202.499.789.000	163.230.789.000
Cổ phiếu quỹ	415		(361.306.726)	(361.306.726)
Quỹ đầu tư phát triển	418		34.760.139.815	34.888.551.465
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		745.747.586.472	885.990.346.580
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		717.129.857.517	560.540.645.507
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.617.728.955	325.449.701.073
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		786.381.519.565	804.118.371.606
Tổng cộng nguồn vốn	440		7.173.863.183.972	6.146.725.463.440

Người lập biểu/Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Giám đốc vận hành


Trần Thái Sơn


Phan Thị Thu Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	20.852.168.550.441	21.322.514.138.377
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	15.257.451.121	12.015.497.436
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.836.911.099.320	21.310.498.640.941
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	19.408.450.260.136	19.608.043.006.641
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.428.460.839.184	1.702.455.634.300
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	33.585.505.246	48.378.333.351
Chi phí tài chính	22	VI.5	194.839.258.526	88.992.122.809
Trong đó: chi phí lãi vay	23		191.728.947.857	94.252.108.313
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.926.716.433	172.718.795.092
Chi phí bán hàng	25	VI.6	757.409.561.072	698.693.701.336
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	501.388.317.475	501.126.785.248
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.335.923.789	634.740.153.350
Thu nhập khác	31	VI.8	51.854.570.236	67.505.695.493
Chi phí khác	32		15.317.203.345	9.898.789.071
Lợi nhuận khác	40		36.537.366.891	57.606.906.422
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.873.290.681	692.347.059.772
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	38.814.314.372	103.705.043.720
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	(34.372.965.244)	2.598.679.227
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		44.431.941.553	586.043.336.825
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		28.617.728.955	332.714.538.580
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		15.814.212.598	253.328.798.245
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	430	4.994

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu/Kế toán trưởng

Giám đốc vận hành


Trần Thái Sơn


Phan Thị Thu Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 - (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		48.873.290.681	692.347.059.772
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02		145.306.536.289	112.993.507.953
Các khoản dự phòng	03		(889.092.999)	1.217.296.924
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(90.876)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(50.244.976.834)	(218.685.578.698)
Chi phí lãi vay	06		191.728.947.857	94.252.108.313
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		334.774.614.118	682.124.394.264
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(912.157.231.270)	(75.005.380.264)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		554.697.217.073	(643.192.312.327)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		548.437.578.154	198.959.945.817
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.457.722.359)	(7.247.870.184)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(822.940.000)	(2.474.977.260)
Tiền lãi vay đã trả	14		(189.410.176.009)	(92.156.942.745)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(52.936.582.808)	(85.236.860.149)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.181.664.732	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.729.871.078)	(5.877.458.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		247.576.550.553	(30.107.461.364)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(269.175.014.931)	(257.999.498.514)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		62.573.858.303	41.218.566.075
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(115.959.423.242)	(102.514.124.192)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		80.827.146.478	34.157.190.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(505.321.917.019)	(35.833.108.073)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
(Theo phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.178.894.549	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.701.710.704	105.750.777.850
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(706.174.745.158)	(215.220.196.854)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		35.556.500.000	35.840.241.082
Tiền thu từ đi vay	33		14.944.395.183.358	10.843.440.415.067
Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.489.943.236.797)	(10.220.697.948.567)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(877.335.633)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(111.744.682.551)	(171.199.336.076)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		377.386.428.377	487.383.371.506
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(81.211.766.228)	242.055.713.288
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	524.075.417.767	282.019.704.479
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		285.534	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	442.863.937.073	524.075.417.767

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu/Kế toán trưởng

Giám đốc vận hành


Trần Thái Sơn


Phan Thị Thu Thảo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 5 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 666.305.640.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với mã chứng khoán SVC.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Tasco Auto. Công ty mẹ tối cao của Công ty là Công ty Cổ phần Tasco (niêm yết trên sàn HNX với mã chứng khoán HUT).

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ khách sạn và nhà hàng;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và nghỉ dưỡng cao cấp
- Dịch vụ tài chính: Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ hoạt động của Công ty thường không quá 12 tháng.

4. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong năm không có sự kiện hay hoạt động nào gây ảnh hưởng đáng kể tới Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 23 công ty con trực tiếp và 29 công ty con gián tiếp, 5 công ty liên kết trực tiếp và 8 công ty liên kết gián tiếp (tại ngày 31/12/2022, Công ty có 22 công ty con trực tiếp và 22 công ty con gián tiếp, 4 công ty liên kết trực tiếp và 8 công ty liên kết gián tiếp). Chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 (tiếp theo)

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU 31/12/2023	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT 31/12/2023
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	57,35%	57,35%
3	Công ty Cổ phần OtoS	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,86%	80,86%
4	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	43/7A Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,90%	99,90%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, kinh doanh bất động sản và kinh doanh và bảo trì xe ô tô	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70,00%	70,00%
6	Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	64,00%	64,00%
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ bảo trì	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70,00%	70,00%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98,29%	98,29%

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU 31/12/2023	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT 31/12/2023
Công ty con sở hữu trực tiếp					
9	Công ty TNHH Xe và Thiết bị Chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Ấp 1, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	55,00%	55,00%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	5/5 Khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90,00%	90,00%
11	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Kinh doanh xe gắn máy và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	164 - 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
12	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	64,00%	64,00%
13	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	274 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
14	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51,00%	51,00%
15	Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	274 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam	51,00%	51,00%
16	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ô tô Đồng Hiệp	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Số 07 Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	60,00%	60,00%
17	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Lô C13, Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	38,51%	50,60%
18	Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	200 Quốc lộ 20, Tổ 3, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	52,00%	52,00%

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU 31/12/2023	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT 31/12/2023
Công ty con sở hữu trực tiếp					
19	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Savico Miền Nam	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp các dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế xây dựng	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	98,00%	98,00%
20	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Cần Thơ	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Số 110B đường Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	74,40%	85,00%
21	Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	2 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam	31,64%	51,00%
22	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	70,00%	70,00%
23	Công ty Cổ phần Ô tô New Energy	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty con sở hữu gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần Bến Thành Ô tô	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	831 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	27,07%	52,00%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Sài Gòn Ô tô Cần Thơ	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	11 Võ Nguyên Giáp, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	46,98%	90,25%
3	Công ty TNHH FX Auto	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	33/14 Nguyễn Cảnh Chân, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	27,90%	56,00%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Ô tô Tân Phú	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	69 Chế Lan Viên, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	29,44%	81,05%

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU 31/12/2023	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT 31/12/2023
Công ty con sở hữu gián tiếp					
5	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Viễn Đông	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	673 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	57,35%	100,00%
6	Công ty TNHH Toyota Long Biên	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	35,70%	51,00%
7	Công ty TNHH Toyota Hải Dương	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	1 Ngô Quyền, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Việt Nam	18,21%	51,00%
8	Công ty TNHH Toyota Chí Linh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Khu Đồng Trại Sen, Phường Văn An, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	9,29%	51,00%
9	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	118 An Đình, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Việt Nam	35,70%	51,00%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	76 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	35,70%	51,00%
11	Công ty Cổ phần Ô tô Bình Định	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	359 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	35,70%	51,00%
12	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Ô tô	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Lô 02, Quốc lộ 1A, Quá Giáng, Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	38,50%	55,00%
13	Công ty TNHH Một Thành Viên Ô tô Gia Lai	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	278 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	35,70%	100,00%
14	Công ty Cổ phần Ô tô Kon Tum	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	377A Phan Đình Phùng, Phường Duy Tân, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam	35,38%	99,10%
15	Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	286 Phạm Hùng, Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	35,70%	100,00%
16	Công ty Cổ phần Ô tô Đại Thịnh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Quốc lộ 1A, Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	56,00%	80,00%

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU 31/12/2023	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT 31/12/2023
Công ty con sở hữu gián tiếp					
17	Công ty Cổ phần Toyota Ninh Bình	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Thửa đất số 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	32,64%	51,00%
18	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Long An	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Lô CC6 Khu Dân cư Đồng Tâm, đường Hùng Vương, Phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An	13,80%	51,00%
19	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Số 86 Quốc lộ 96B, Khu phố Hiệp Hòa, Phường Hiệp Tân, Thị xã Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	23,84%	65,00%
20	Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	02 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	35,00%	55,00%
21	Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	351A Hùng Vương, Phường An Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	35,00%	100,00%
22	Công ty TNHH Savico Thanh Hóa	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Phố Thành Yên, Phường Quảng Thành, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	35,70%	51,00%
23	Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại đầu tư ô tô Kiên Giang	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Số 68 đường Võ Văn Kiệt, ấp Thạnh Bình, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	70,00%	100,00%
24	Công ty Cổ phần Ô tô Trường Chinh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	831 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	13,80%	51,00%
25	Công ty TNHH Savico Kỷ nguyên mới	Điều hành trung tâm thương mại, kinh doanh bất động sản và kinh doanh và bảo trì xe ô tô.	Cầu Kiều, Đại lộ Thiên Trường, Xã Mỹ Hưng, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	35,70%	51,00%
26	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển SVC Miền Bắc	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Số 7 và số 9, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 17, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	66,99%	99,98%

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU 31/12/2023	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT 31/12/2023
Công ty con sở hữu gián tiếp					
27	Công ty Cổ phần Carpla	Sản xuất và tư vấn lĩnh vực phần mềm và bán buôn xe cũ và phụ tùng	Tầng 25, tòa nhà Tasco, Lô HH 2-2, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	55,98%	80,00%
28	Công ty Cổ phần Glynk	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Số 7 và số 9, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 17, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, TP Hà Nội	69,79%	99,72%
29	Công ty Cổ phần Ô tô Đông Bình Dương	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Số 126 ĐX79, Khu 03, Phường Định Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	58,50%	65,00%
Công ty liên kết trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,30%	30,30%
2	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,00%	35,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp các dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế và xây dựng	66-68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%
4	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	39,81%	47,00%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Tri Thức Tương Lai	Kinh doanh bất động sản và giáo dục	Tầng 6, Tòa nhà Tasco, Lô HH 2-2, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,13%	47,13%

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU 31/12/2023	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT 31/12/2023
Công ty liên kết gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần Dana	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	28,19%	40,27%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	15,62%	30,00%
3	Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	9 Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	32,73%	25,00%
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Lô 4/3, Đường số 4, Khu Công nghiệp Phan Thiết 1, Xã Phong Nẫm, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	26,03%	50,00%
5	Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Quốc lộ 22B, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	13,53%	50,00%
6	Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Quốc lộ 1A, Thôn Vạn Long, Xã Tam Đàn, Huyện Phú Ninh, Quảng Nam, Việt Nam	35,00%	50,00%
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	Quốc lộ 1A, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	18,22%	35,00%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	Kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô	D6/28 Quốc lộ 1A, Khu phố 4, Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	26,03%	50,00%

6. NHÂN VIÊN

Tổng số cán bộ nhân viên của tập đoàn tại ngày 31/12/2023 là 4.529 người (tại ngày 31/12/2022 là 3.489 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

iii. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các nguyên tắc phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty và các công ty con vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần chênh lệch còn lại giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được. Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, vv...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty và các công ty con trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

2. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại

Mẫu B01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Đối với chứng khoán niêm yết, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, khoản dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ và được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư theo tỷ lệ mà Công ty và các công ty con sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sau khi dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia thì dự phòng giảm giá đầu tư sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty, Công ty con và người mua là đơn vị không cùng tập đoàn với Công ty và Công ty con, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý,...).

Mẫu B01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và Công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với dự án bất động sản, xe ô tô, xe gắn máy và bình quân gia quyền đối với các khoản mục hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của dự án bất động sản bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

6. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

NHÓM TSCĐ	SỐ NĂM
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 42 năm
Máy móc thiết bị	2 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm

7. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 50 năm.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

8. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

NHÓM TSCĐ	SỐ NĂM
Quyền sử dụng đất	18 – 50 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 45 năm

9. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN DỎ DANG

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như

được trình bày trong các chính sách kế toán ở các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh cho quyền sử dụng đất thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển dự án đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hoá chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển dự án, hoặc phần của chi phí phát triển dự án được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

10. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Công ty và các công ty con ghi nhận phần vốn góp nhận được từ các bên đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải trả khác và phần vốn góp của Công ty và các công ty con vào các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải thu khác. Đối với các hợp đồng chia sản phẩm và lợi nhuận mà Công ty và các công ty con không kiểm soát dự án, thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

11. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%). Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

c) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

12. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa, thuê văn phòng,... và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

13. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: Phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Được đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2023 theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

14. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VAY VÀ NỢ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

15. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ VỐN HÓA CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐI VAY

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”).

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

16. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: Chi phí lãi vay, phí kiểm toán, phí tham gia hội nghị, học tập,...

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- **Phải trả tiền điện, nước, điện thoại, phí kiểm toán, phí tham gia hội nghị, học tập:** Căn cứ Giấy báo thanh toán của đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc hợp đồng kinh tế đã ký với nhà cung cấp.
- **Phải trả về tiền lương nghỉ phép:** Căn cứ Bảng theo dõi số ngày phép và đơn giá áp dụng.
- **Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau:** Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng

17. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

18. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận được tiền khách hàng trả trước liên quan đến các khoản sau: Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản; Khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

19. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng về thuế được ghi giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

b) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu mua lại và giá trị thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

20. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm sửa chữa và bảo trì xe ô tô và xe gắn máy. Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản trong các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh của các giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia được xác lập. Cổ tức cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

22. CÁC KHOẢN THANH TOÁN TIỀN THUÊ

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát.

24. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong năm.

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí tiền lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí khuyến mại, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty và các công ty con trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Công ty và các công ty con là bộ phận kinh doanh. Công ty và các công ty con hoạt động một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

28. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

29. GIAO DỊCH KHÁC TRONG NĂM

Trong năm, Công ty con của Công ty (Công ty Cổ phần Savico Hà Nội, Công ty sở hữu 70% vốn điều lệ) đã đầu tư 99,98% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển SVC Miền Bắc. Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh này như sau:

Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong tài sản thuần của bên bị mua	55,99%
Tài sản thuần được hợp nhất	241.648.388.974
Giá phí hợp nhất kinh doanh (theo giá trị phần lợi ích của Công ty mẹ bỏ ra)	349.930.000.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.11)	108.281.611.026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	15.906.532.715	21.180.335.278
Tiền gửi ngân hàng	339.940.296.251	351.434.988.273
Tiền đang chuyển	4.526.410	33.523.204
Cộng	355.851.355.376	372.648.846.755
Các khoản tương đương tiền	87.012.581.697	151.426.571.012
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	442.863.937.073	524.075.417.767

Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 1,9% đến 5,1% (tại ngày 31/12/2022 là từ 2,9% đến 5%).

Thông tin về các khoản tương đương tiền được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Thuyết minh số V.20.3

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND								
	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM				
	SỐ LƯỢNG	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ	SỐ LƯỢNG	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
Chứng khoán kinh doanh niêm yết								
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	(7.830.000.000)	5.670.000.000	1.350.000	13.500.000.000	(8.361.000.000)	4.590.000.000
Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết								
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước	1.477.294	14.772.940.000	(7.926.098.581)	(*)	1.395.000	13.950.000.000	(7.057.373.548)	(*)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	771	2.052.543	-	(*)	771	2.052.543	-	(*)
Cộng		28.274.992.543	(15.756.098.581)			27.452.052.543	(15.418.373.548)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn		
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 1 năm (*)	129.346.400.956	100.014.124.192
Cộng	129.346.400.956	100.014.124.192
(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3%/năm đến 7,8%/năm (tại ngày 31/12/2022: 2,8%/năm đến 6,4%/năm). Thông tin về các khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thể chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Thuyết minh số V.20.3.		
Dài hạn		
Trái phiếu dài hạn	3.000.000.000	2.200.000.000
Cộng	3.000.000.000	2.200.000.000

Toàn bộ trái phiếu nắm giữ được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

2.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu cho vay ngắn hạn các cá nhân khác	5.000.000.000	-
Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan (xem Thuyết minh số VII.2)	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	7.500.000.000	2.500.000.000

2.4 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND				
	CUỐI NĂM		ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	29.106.059.000	70.284.372.925	29.106.059.000	76.905.466.739
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	16.925.119.945	33.596.266.403	16.925.119.945	26.583.755.503
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	19.200.000.000	157.461.382.035	19.200.000.000	166.595.509.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	64.000.000.000	67.082.986.920	64.000.000.000	66.785.357.319
Công ty Cổ phần Dana	6.040.500.000	53.827.244.106	6.040.500.000	43.923.262.308
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	3.600.000.000	650.208.942	3.600.000.000	2.587.030.344
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	10.000.000.000	14.349.852.740	10.000.000.000	20.158.460.235
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	15.000.000.000	23.634.233.081	15.000.000.000	26.033.153.008
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	12.500.000.000	16.639.555.556	12.500.000.000	19.187.750.323
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	6.500.000.000	6.359.781.664	6.500.000.000	6.494.856.076
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	8.750.000.000	15.574.857.864	8.750.000.000	18.005.624.858
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	10.000.000.000	10.729.853.372	10.000.000.000	11.863.115.005
Công ty Cổ phần Đầu tư Tri Thức Tương Lai	37.703.000.000	37.703.000.000	-	-
Cộng	239.324.678.945	507.893.595.608	201.621.678.945	485.123.341.621

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2.5 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	6.300.000.000	-	6.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bình Thuận	3.750.000.000	-	3.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	488.800.000	(376.456.778)	488.800.000	(488.800.000)
Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long	92.779.924	-	221.464.000	-
Cộng	24.631.579.924	(376.456.778)	24.760.264.000	(488.800.000)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các khách hàng liên quan đến bán hàng hóa	665.739.299.840	493.557.738.354
Các khách hàng liên quan đến cho thuê	17.927.803.221	16.389.624.126
Các khách hàng liên quan đến chuyển nhượng bất động sản	6.250.000.000	6.250.000.000
Các khách hàng khác	79.512.218.725	59.644.069.463
Cộng	769.429.321.786	575.841.431.943
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2	24.022.640.008	27.334.531.709

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trả trước tiền thuê đất	78.982.350.000	60.068.750.000
Trả trước tiền mua hàng hóa	20.951.060.000	25.199.340.000
Các đối tượng khác	75.778.540.883	76.439.492.264
Cộng	175.711.950.883	161.707.582.264
Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2	14.738.321.513	-

5. PHẢI THU KHÁC

5.1 Phải thu khác ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đặt cọc cho kinh doanh xe đã qua sử dụng thay cho khách hàng	227.742.362.457	84.184.011.306
Cổ tức phải thu	28.200.000.000	28.200.000.000
Khoản hỗ trợ từ nhà cung cấp	103.485.656.037	21.696.180.416
Tạm ứng cho người lao động	33.637.411.189	28.655.304.242
Đặt cọc ngắn hạn	12.124.274.799	2.478.555.962
Hợp đồng hợp tác đầu tư	620.000.000.000	-
Phải thu khác	57.708.463.655	30.446.063.847
Cộng	1.082.898.168.137	195.660.115.773
Trong đó: Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2	43.843.836.665	28.200.000.000

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5.2 Phải thu khác dài hạn

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với các đối tác khác	316.036.571.617	132.379.173.008
Đặt cọc dài hạn	111.132.952.569	107.300.396.363
Các khoản phải thu dài hạn khác	16.338.665.781	5.908.261.621
Cộng	443.508.189.967	245.587.830.992
Trong đó:		
Phải thu khác dài hạn là bên liên quan	192.414.421.352	2.775.639.504
Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2		

Thông tin về các khoản Phải thu khác được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Thuyết minh số V.20.3.

6. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND				
	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG
Hàng mua đang đi trên đường	1.734.981.819	-	4.390.041.910	-
Vật liệu và phụ tùng thay thế	20.548.224.091	(699.676.356)	21.960.167.815	(1.055.165.361)
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	87.981.141.150	-	89.714.041.821	-
Thành phẩm	2.323.990.876	-	6.175.048.699	-
Hàng hóa	1.165.178.892.777	(1.732.373.017)	1.685.861.317.026	(5.649.549.479)
Hàng gửi đi bán	10.953.020	-	10.953.020	-
Cộng	1.277.778.183.733	(2.432.049.373)	1.808.111.570.291	(6.704.714.840)

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Chi tiết số dư Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dự án Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ	69.319.892.349	69.248.061.030
Dự án Khu nhà ở Tam Bình - Hiệp Bình Phước	1.070.532.952	3.281.872.862
Khác	17.590.715.849	17.184.107.929
Cộng	87.981.141.150	89.714.041.821

Thông tin về Hàng tồn kho được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Thuyết minh số V.20.3.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí thuê văn phòng và thuê nhà	2.087.100.551	503.884.502
Công cụ và dụng cụ	12.159.197.500	5.302.974.258
Chi phí thuê đất trả trước	4.209.545.459	1.063.290.754
Chi phí sửa chữa tài sản	1.233.325.801	625.832.818
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.188.022.688	8.389.606.206
Cộng	32.877.191.999	15.885.588.538

7.2 Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí cải tạo, sửa chữa, di dời tài sản	20.311.831.456	11.488.712.992
Chi phí thuê đất trả trước	10.690.380.783	12.445.859.291
Công cụ và dụng cụ	20.173.686.771	16.528.901.288
Các chi phí trả trước dài hạn khác	15.278.454.798	6.857.224.742
Cộng	66.454.353.808	47.320.698.313

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	NHÀ CỬA VÀ VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	TSCĐ HỮU HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	697.275.254.574	221.424.887.643	197.981.021.943	13.848.994.639	1.130.530.158.799
Tăng do hợp nhất kinh doanh	34.516.036.530	8.320.089.982	720.480.000	-	43.556.606.512
Phân loại lại	5.479.045.263	1.242.952.214	3.414.543.177	(10.136.540.654)	-
Mua sắm mới	72.794.077.912	34.754.320.714	92.156.080.908	5.963.775.623	205.668.255.157
Đầu tư xây dựng cơ bản	76.610.909.509	2.367.407.614	-	-	78.978.317.123
Thanh lý, nhượng bán	(11.123.456.841)	(12.987.226.478)	(78.854.037.582)	(555.900.000)	(103.520.620.901)
Giảm khác	(95.526.860)	(40.669.400)	(13.434.676.176)	-	(13.570.872.436)
Số dư cuối năm	875.456.340.087	255.081.762.289	201.983.412.270	9.120.329.608	1.341.641.844.254
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	279.648.042.663	138.150.675.021	44.587.096.993	11.016.897.639	473.402.712.316
Tăng do hợp nhất kinh doanh	239.694.698	582.572.379	26.017.333	-	848.284.410
Khấu hao trong năm	49.993.486.468	25.477.173.778	33.556.206.314	905.953.555	109.932.820.115
Phân loại lại	4.994.541.388	1.260.578.168	2.120.419.974	(8.375.539.530)	-
Thanh lý, nhượng bán	(10.658.441.608)	(7.126.753.114)	(23.184.457.938)	(30.000.000)	(40.999.652.660)
Giảm khác	(1.043.011)	(5.575.725)	(4.015.559.876)	(19.999)	(4.022.198.611)
Số dư cuối năm	324.216.280.598	158.338.670.507	53.089.722.800	3.517.291.665	539.161.965.570
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	417.627.211.911	83.274.212.622	153.393.924.950	2.832.097.000	657.127.446.483
Tại ngày cuối năm	551.240.059.489	96.743.091.782	148.893.689.470	5.603.037.943	802.479.878.684

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 180.578.718.714 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 152.021.338.278 VND
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 366.092.013.435 VND
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 156.437.485.966 VND

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN XÁC ĐỊNH	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	TỔNG CỘNG
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	29.307.299.091	55.683.988.140	13.250.694.025	98.241.981.256
Tăng trong năm	-	-	18.211.617.482	18.211.617.482
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	29.307.299.091	55.683.988.140	31.462.311.507	116.453.598.738
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	9.808.634.658	7.874.326.677	17.682.961.335
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	1.066.906.752	1.674.764.570	2.741.671.322
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	10.875.541.410	9.549.091.247	20.424.632.657
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	29.307.299.091	45.875.353.482	5.376.367.348	80.559.019.921
Tại ngày cuối năm	29.307.299.091	44.808.446.730	21.913.220.260	96.028.966.081

- Nguyên giá TSCĐ Vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 10.556.045.689 VND
- Nguyên giá TSCĐ Vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 9.106.199.025 VND
- Giá trị còn lại của TSCĐ Vô hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 74.115.745.821 VND
- Giá trị còn lại của TSCĐ Vô hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 69.010.667.249 VND

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN XÁC ĐỊNH	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	TÀI SẢN KHÁC	TỔNG CỘNG
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	5.107.878.273	63.599.169.277	857.832.276.302	-	926.539.323.852
Mua mới trong năm	-	-	28.227.259.437	-	28.227.259.437
Tặng khác	-	-	190.000.000	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.853.774.984)	-	-
Số dư cuối năm	5.107.878.273	63.599.169.277	878.395.760.755	-	947.102.808.305
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	-	18.586.596.222	267.013.418.197	-	285.600.014.419
Khấu hao trong năm	-	1.323.899.208	20.128.231.068	-	21.452.130.276
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.853.774.984)	-	(7.853.774.984)
Số dư cuối năm	-	19.910.495.430	279.287.874.281	-	299.198.369.711
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	5.107.878.273	45.012.573.055	590.818.858.105	-	640.939.309.433
Số dư cuối năm	5.107.878.273	43.688.673.847	599.107.886.474	-	647.904.438.594

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 61.663.261.195 VND
- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 19.017.533.851 VND
- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 505.791.801.954 VND
- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 495.056.536.133 VND

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND		
NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC		
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023		-
Thuê tài chính trong năm	13.765.114.987	
Tại ngày 31/12/2023	13.765.114.987	
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại ngày 01/01/2023		-
Khấu hao trong năm	439.416.725	
Tại ngày 31/12/2023	439.416.725	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023		-
Tại ngày 31/12/2023	13.325.698.262	

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
Dự án 104 Phở Quang	267.398.040.345	267.358.719.429
Dự án Mercure, Sơn Trà, Đà Nẵng	96.264.058.194	96.264.058.194
Showroom và nhà xưởng Mitsubishi Long An	418.395.434	29.363.363.598
Các công trình khác	60.923.133.123	63.339.297.754
Cộng	425.003.627.096	456.325.438.975

Thông tin về Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Thuyết minh số V.20.3.

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND		
NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC		
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	42.738.745.384	
Tăng trong năm	108.281.611.026	
Giảm trong năm	-	
Số cuối năm	151.020.356.410	
GIÁ TRỊ PHÂN BỐ		
Số đầu năm	1.104.021.182	
Tăng trong năm	10.740.497.851	
Giảm trong năm	-	
Số cuối năm	11.844.519.033	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	41.634.724.202	
Số cuối năm	139.175.837.377	

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND		
	GIÁ GỐC/SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CUỐI NĂM	GIÁ GỐC/SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ ĐẦU NĂM
Phải trả nhà cung cấp hãng xe Ford	38.778.364.225	54.500.295.853
Phải trả nhà cung cấp hãng xe Hino	7.941.036.856	17.356.398.879
Phải trả nhà cung cấp hãng xe Hyundai	53.314.058.082	59.706.094.850
Phải trả nhà cung cấp hãng xe Toyota	5.695.801.235	18.051.922.273
Phải trả nhà cung cấp hãng xe Isuzu	75.983.124.302	13.495.069.778
Phải trả nhà cung cấp hãng xe Nissan	11.209.567.247	2.374.743.240
Các nhà cung cấp khác	165.437.288.513	138.922.462.855
Cộng	358.359.240.460	304.406.987.728
Trong đó:		
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	26.528.034.775	30.916.488.639
Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2		

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ứng trước của khách hàng mua xe	84.778.717.181	160.792.235.059
Ứng trước của khách hàng chuyển nhượng bất động sản	-	7.093.377.380
Ứng trước của khách hàng thuê trung tâm thương mại	11.531.973.760	7.701.370.871
Công ty TNHH New Energy Holdings	-	-
Ứng trước của khách hàng khác	17.997.215.088	26.249.963.282
Cộng	114.307.906.029	201.836.946.592
Trong đó:		
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan	1.885.907.353	803.274.400
Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2		

15.2 Người mua trả tiền trước dài hạn

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ứng trước của khách hàng khác	14.550.260.040	9.584.695.807
Cộng	14.550.260.040	9.584.695.807

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND							
	SỐ ĐẦU NĂM		TRONG NĂM			SỐ CUỐI NĂM	
	PHẢI THU 31/12/2022	PHẢI NỘP 31/12/2022	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM	SỐ ĐÃ BÙ TRỪ/ THỰC NỘP TRONG NĂM	TĂNG DO HỢP NHẤT	PHẢI THU 31/12/2023	PHẢI NỘP 31/12/2023
Thuế GTGT đầu ra	-	5.201.782.872	117.690.605.153	81.441.905.758	-	-	41.450.482.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp	707.181.712	29.634.842.679	41.160.818.625	53.878.694.089	-	4.906.259.864	21.116.045.367
Thuế thu nhập cá nhân	322.294.191	14.263.764.715	65.518.159.286	68.326.769.912	514.310.953	253.872.768	11.901.043.619
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.408.180.438	7.386.764.421	8.202.995.768	-	5.455.370.270	6.047.319.361
Phí, lệ phí và các khoản khác	135.891.777	266.159.343	6.982.064.847	7.061.523.868	8.953.628	15.352.740	75.114.913
Cộng	1.165.367.680	50.774.730.047	238.738.412.332	218.911.889.395	523.264.581	10.630.855.642	80.590.005.527

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Lương và các chi phí có liên quan	13.730.630.060	22.007.335.095
Chi phí đào tạo	3.699.079.983	8.415.826.519
Chi phí dự phòng sửa chữa, cải tạo	6.000.000.000	6.000.000.000
Chi phí lãi vay	4.941.292.964	2.622.521.116
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	26.196.584.023	27.705.691.681
Cộng	54.567.587.030	66.751.374.411

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

18.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	7.524.246.209	15.720.123.156
Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động bán hàng có điều kiện	7.328.781.383	-
Doanh thu chưa thực hiện khác	16.443.747.649	-
Cộng	31.296.775.241	15.720.123.156

18.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	45.023.199.995	67.801.443.397
Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động bán hàng có điều kiện	8.328.482.705	-
Cộng	53.351.682.700	67.801.443.397

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. PHẢI TRẢ KHÁC

19.1 Phải trả ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Khoản góp vốn nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	25.500.000.000	344.141.111.151
Góp vốn theo tiến độ nhận được từ các khách hàng	-	100.000.000
Phí bảo hiểm thu hộ các đại lý bảo hiểm	6.953.504.786	5.701.094.002
Cổ tức phải trả	3.808.471.620	1.402.736.020
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	3.670.049.397	3.701.262.540
Khoản thù lao cán bộ quản lý các đơn vị thành viên	7.528.206.770	3.032.618.968
Nhận đặt cọc từ các hợp đồng cho thuê, kinh doanh xe ô tô	15.778.289.941	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	61.521.796.580	31.225.536.974
Cộng	124.760.319.094	389.304.359.655
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan		
Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2	33.306.459.722	-

19.2 Phải trả dài hạn khác

Đơn vị tính: VND		
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nhận đặt cọc dài hạn từ các hợp đồng cho thuê	61.452.017.711	62.048.656.468
Khoản hoàn vốn góp nhận được từ các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	24.239.513.834	24.239.513.834
Khoản vốn góp nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	960.352.845.867	3.100.000.000
Phải trả tiền thuê đất	8.848.238.452	10.239.214.745
Phải trả dài hạn khác	8.290.841.999	3.996.150.093
Cộng	1.063.183.457.863	103.623.535.140
Phải trả dài hạn khác là các bên liên quan		
Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2	614.389.021.500	1.766.821.500

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND						
	SỐ ĐẦU NĂM		TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Vay ngắn hạn	1.944.358.866.386	1.944.358.866.386	14.254.867.291.871	14.282.359.928.580	1.916.866.229.677	1.916.866.229.677
Ngân hàng 1	585.687.591.880	585.687.591.880	4.670.485.805.483	4.864.629.366.862	391.544.030.501	391.544.030.501
Ngân hàng 2	848.347.044.906	848.347.044.906	5.241.279.029.730	5.383.033.021.980	706.593.052.656	706.593.052.656
Ngân hàng 3	379.500.660.568	379.500.660.568	3.756.981.601.756	3.430.389.793.539	706.092.468.785	706.092.468.785
Ngân hàng 4	14.614.220.850	14.614.220.850	14.464.500.000	28.005.058.415	1.073.662.435	1.073.662.435
Ngân hàng 5	69.434.213.544	69.434.213.544	221.761.110.075	275.261.924.619	15.933.399.000	15.933.399.000
Ngân hàng 6	-	-	111.884.300.000	69.442.150.000	42.442.150.000	42.442.150.000
Ngân hàng 7	33.157.714.575	33.157.714.575	67.557.438.450	98.918.017.575	1.797.135.450	1.797.135.450
Ngân hàng 8	5.277.292.363	5.277.292.363	23.188.268.728	28.465.561.091	-	-
Ngân hàng 10	2.907.286.950	2.907.286.950	86.017.182.545	57.974.784.925	30.949.684.570	30.949.684.570
Ngân hàng 11	1.432.840.750	1.432.840.750	-	1.432.840.750	-	-
Ngân hàng 12	-	-	19.277.107.890	9.085.461.610	10.191.646.280	10.191.646.280
Ngân hàng 13	-	-	4.631.297.214	4.631.297.214	-	-
Tổ chức tài chính 2	-	-	14.810.650.000	14.810.650.000	-	-
Đối tượng khác	4.000.000.000	4.000.000.000	22.529.000.000	16.280.000.000	10.249.000.000	10.249.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	29.772.571.048	29.772.571.048	82.362.180.454	47.638.228.809	64.496.522.693	64.496.522.693
Ngân hàng 1	8.768.334.839	8.768.334.839	13.698.730.210	11.600.494.839	10.866.570.210	10.866.570.210
Ngân hàng 2	12.999.080.405	12.999.080.405	10.953.242.823	14.131.738.608	9.820.584.620	9.820.584.620
Ngân hàng 3	1.818.666.660	1.818.666.660	6.991.355.686	1.818.666.660	6.991.355.686	6.991.355.686
Ngân hàng 4	173.400.000	173.400.000	173.400.000	173.400.000	173.400.000	173.400.000
Ngân hàng 5	-	-	38.302.250.000	8.122.500.000	30.179.750.000	30.179.750.000
Ngân hàng 8	4.804.001.388	4.804.001.388	4.218.462.177	4.804.001.388	4.218.462.177	4.218.462.177
Ngân hàng 9	1.209.087.756	1.209.087.756	4.280.739.558	5.489.827.314	-	-
Ngân hàng 11	-	-	3.744.000.000	1.497.600.000	2.246.400.000	2.246.400.000
Tổ chức tài chính 1	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.974.131.437.434	1.974.131.437.434	14.337.229.472.325	14.329.998.157.389	1.981.362.752.370	1.981.362.752.370

20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND						
	SỐ ĐẦU NĂM		TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Ngân hàng 1	45.990.820.786	45.990.820.786	767.050.000	21.623.810.876	25.134.059.910	25.134.059.910
Ngân hàng 2	206.030.466.672	206.030.466.672	25.793.012.494	162.915.241.320	68.908.237.846	68.908.237.846
Ngân hàng 3	4.629.785.848	4.629.785.848	56.765.938.300	16.158.775.686	45.236.948.462	45.236.948.462
Ngân hàng 4	679.150.000	679.150.000	543.000.000	218.650.000	1.003.500.000	1.003.500.000
Ngân hàng 5	-	-	449.900.000.000	38.302.250.000	411.597.750.000	411.597.750.000
Ngân hàng 8	10.334.952.455	10.334.952.455	833.750.000	5.052.212.177	6.116.490.278	6.116.490.278
Ngân hàng 9	4.280.739.558	4.280.739.558	-	4.280.739.558	-	-
Ngân hàng 11	-	-	4.680.000.000	3.744.000.000	936.000.000	936.000.000
Tổ chức tài chính 1	-	-	11.213.560.448	877.335.633	10.336.224.815	10.336.224.815
Đối tượng khác	5.980.000.000	5.980.000.000	155.000.000.000	5.980.000.000	155.000.000.000	155.000.000.000

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20.3 Thông tin của các khoản vay ngắn hạn, dài hạn hiện còn số dư

Các bên cho vay ngắn hạn

CÁC BÊN CHO VAY	LÃI SUẤT/NĂM
Ngân hàng 1	3,2% - 8,9%
Ngân hàng 2	2,9% - 9%
Ngân hàng 3	3% - 8,3%
Ngân hàng 4	8,8% - 9,3%
Ngân hàng 5	3% - 4,8%
Ngân hàng 6	3% - 4%
Ngân hàng 7	3% - 4%
Ngân hàng 10	4,3% - 7,5%
Ngân hàng 12	3,2% - 4,5%
Đối tượng khác	6%

Các bên cho vay dài hạn

CÁC BÊN CHO VAY	LÃI SUẤT/NĂM	KỲ ĐÁO HẠN
Ngân hàng 1	7,8% - 12,5%	60 tháng
Ngân hàng 2	7,6% - 10,1%	60 - 144 tháng
Ngân hàng 3	9,3% - 10,3%	24 - 84 tháng
Ngân hàng 4	11%	60 tháng
Ngân hàng 5	11%	120 tháng
Ngân hàng 8	10,85% - 14,25%	60 -84 tháng
Ngân hàng 11	7,97%	24 tháng
Tổ chức tài chính 1	8%	60 tháng
Đối tượng khác	6%	120 tháng

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các tài sản dùng đảm bảo khoản vay như sau:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.885.000.000	14.816.000.000
Phải thu khách hàng	136.521.182.623	56.752.882.977
Hàng tồn kho	505.203.151.511	484.122.973.531
Ký quỹ ký cược	1.550.000.000	-
Tài sản cố định hữu hình	366.092.013.435	156.437.485.966
Tài sản cố định vô hình	74.115.745.821	69.010.667.249
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31.721.619.392	-
Bất động sản đầu tư	505.791.801.954	495.056.536.133
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	72.396.833.083	21.950.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	3.000.000.000	2.200.000.000
Khoản đầu tư vào Công ty con trong tập đoàn	499.900.000.000	-
	2.208.177.347.819	1.300.346.545.856

Các khoản cho vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trong vòng một năm	68.239.919.983	29.772.571.048
Trong năm thứ hai	72.132.057.692	34.703.021.523
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	208.040.359.939	99.926.448.091
Sau năm năm	440.353.396.390	143.296.445.705
	788.765.734.004	307.698.486.367
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	68.239.919.983	29.772.571.048
Số phải trả sau 12 tháng	720.525.814.021	277.925.915.319

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND								
	VỐN CỔ PHẦN	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC	CỔ PHIẾU QUỸ	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
Số dư đầu năm trước	333.205.320.000	234.112.037.810	149.275.580.000	(587.243.865)	37.437.241.165	603.727.551.679	512.833.659.323	1.870.004.146.112
Tăng/ giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	143.286.399.306	143.286.399.306
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	485.311.061	-	225.937.139	-	-	-	711.248.200
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	332.714.538.580	253.328.798.245	586.043.336.825
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(33.310.032.000)	(137.894.929.026)	(171.204.961.026)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	2.316.984.852	(2.316.984.852)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.487.651.962)	(2.564.549.124)	(9.052.201.086)
Tăng vốn vào công ty con từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	13.955.209.000	-	(4.865.674.552)	(9.089.534.448)	-	-
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	35.128.992.882	35.128.992.882
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng/ Giảm khác	-	-	-	-	-	752.459.583	-	752.459.583
Số dư cuối năm trước	333.205.320.000	234.597.348.871	163.230.789.000	(361.306.726)	34.888.551.465	885.990.346.580	804.118.371.606	2.455.669.420.796

Đơn vị tính: VND

	VỐN CỔ PHẦN	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC	CỔ PHIẾU QUỸ	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
Số dư tại ngày đầu năm	333.205.320.000	234.597.348.871	163.230.789.000	(361.306.726)	34.888.551.465	885.990.346.580	804.118.371.606	2.455.669.420.796
Phát hành vốn cổ phần (*)	333.100.320.000	(230.000.000.000)	-	-	-	(103.100.320.000)	-	-
Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	(1.854.700.413)	75.553.960.527	73.699.260.114
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	28.617.728.955	15.814.212.598	44.431.941.553
Chia cổ tức					-	(33.310.032.000)	(97.848.451.890)	(131.158.483.890)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.564.995.325)	(3.458.950.939)	(33.131.000.000)
Tăng vốn vào công ty con từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	39.269.000.000	-	-	(39.269.000.000)	(33.131.000.000)	35.556.500.000
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	35.556.500.000	35.128.992.882
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng/ Giảm khác	-	-	-	-	(128.411.650)	12.238.558.675	(10.223.122.337)	1.887.024.688
Số dư cuối năm	666.305.640.000	4.597.348.871	202.499.789.000	(361.306.726)	34.760.139.815	745.747.586.472	786.381.519.565	2.439.930.716.997

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-SVC ngày 03 tháng 01 năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua kết quả phát hành và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Số lượng cổ phiếu phát hành bổ sung là 33.310.032 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 666.305.640.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 5 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 666.305.640.000 VND.

Ngày 08/02/2023, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 43/QĐ-SGDHCM về việc thay đổi niêm yết. Theo đó, chấp thuận cho Công ty niêm yết bổ sung 33.310.032 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực: 10/02/2023.

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	666.200.640.000	99,98%	333.100.320.000	99,97%
Cộng	666.200.640.000	99,98%	333.100.320.000	99,97%
Cổ phiếu quỹ	105.000.000	0,02%	105.000.000	0,03%
Tổng cộng	666.305.640.000	100%	333.205.320.000	100%

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Đơn vị tính: VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	333.205.320.000	333.205.320.000
Vốn góp tăng trong năm	333.100.320.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	666.305.640.000	333.205.320.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	33.310.032.000	33.310.032.000

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.630.564	33.320.532
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	66.630.564	33.320.532
Cổ phiếu phổ thông	66.630.564	33.320.532
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10.500	10.500
Cổ phiếu phổ thông	10.500	10.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.620.064	33.310.032
Cổ phiếu phổ thông	66.620.064	33.310.032
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

22. TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

	Đơn vị tính: VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	150.214.017.704	116.426.849.577
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	556.737.715.448	464.799.112.186
Trên 5 năm	1.066.290.824.412	1.000.467.767.673
Cộng	1.773.242.557.564	1.581.693.729.436

23. HÀNG HÓA NHẬN GIỮ HỘ BÊN THỨ BA

	Đơn vị tính: VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	551.347.625.678	360.248.206.113
Cộng	551.347.625.678	360.248.206.113

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng hóa	18.770.504.193.500	19.636.517.336.953
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.814.202.517.363	1.522.714.599.662
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	267.461.839.578	129.679.894.970
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	33.602.306.792
Cộng	20.852.168.550.441	21.322.514.138.377
Doanh thu với các bên liên quan	251.825.084.937	131.264.640.305
Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2		

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chiết khấu thương mại	1.793.816.569	-
Giảm giá hàng bán	310.025.314	558.785.233
Hàng bán bị trả lại	13.153.609.238	11.456.712.203
Cộng	15.257.451.121	12.015.497.436

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn của hàng hoá đã bán	17.934.686.616.214	18.224.059.647.251
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.360.280.307.083	1.330.217.286.860
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	117.728.552.306	31.595.076.709
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản đầu tư	-	17.759.157.994
(Hoàn nhập) /Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.245.215.467)	4.411.837.827
Cộng	19.408.450.260.136	19.608.043.006.641

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.414.464.474	8.695.789.038
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.615.378.304	9.187.134.912
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	26.182.937	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	5.359.289.529	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	331.287.524	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.838.902.478	30.495.409.401
Cộng	33.585.505.246	48.378.333.351

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	191.728.947.857	94.252.108.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	617.946.550	
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	78.400.000	
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	225.381.811	(6.862.346.926)
Chi phí tài chính khác	2.188.582.308	1.602.361.422
Cộng	194.839.258.526	88.992.122.809

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lương và chi phí nhân viên	371.452.390.007	380.676.856.048
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	27.184.402.336	7.969.332.270
Chi phí khấu hao TSCĐ	54.638.005.765	34.382.266.782
Hoa hồng bán hàng và bảo hiểm	13.477.041.675	45.179.113.605
Dịch vụ mua ngoài	171.331.400.835	109.835.414.592
Chi phí khác	119.326.320.454	120.650.718.039
Cộng	757.409.561.072	698.693.701.336

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lương và chi phí nhân viên	270.679.572.939	269.497.318.459
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ LTSM	43.666.952.961	23.804.971.947
Dịch vụ mua ngoài	137.024.388.420	66.244.209.627
Chi phí khác	50.017.403.155	141.580.285.215
Cộng	501.388.317.475	501.126.785.248

8. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thưởng do đạt doanh số và hỗ trợ từ các nhà cung cấp	-	37.331.466.671
Hoa hồng bán hàng nhận được từ đại lý bảo hiểm	223.492.062	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	6.089.051.496	5.244.529.234
Lãi từ góp vốn bằng tài sản	18.447.370.084	-
Các thu nhập khác	27.094.656.594	24.929.699.588
Cộng	51.854.570.236	67.505.695.493
Thu nhập khác với bên liên quan		
Được trình bày tại Thuyết minh số VII.2	483.221.231	-

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn hàng hóa đã bán	17.950.683.662.076	19.138.583.479.337
Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng	-	17.759.157.994
Chi phí nhân công và nhân viên	945.527.488.152	889.460.748.106
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ LTSM	145.306.536.289	111.889.486.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	977.329.661.805	310.969.594.470
Chi phí khác	645.821.485.810	339.201.026.547
Cộng	20.664.668.834.132	20.807.863.493.225

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	38.874.531.897	103.705.043.720
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(60.217.525)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	38.814.314.372	103.705.043.720

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm là chi phí thuế được ghi nhận tương ứng với lỗ được kết chuyển của các công ty con trong tương lai.

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	28.617.728.955	332.714.538.580
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	28.617.728.955	332.714.538.580
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	-	(6.487.651.962)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	66.620.064	66.619.874
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	430	4.994

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (bao gồm Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát): số liệu trong năm trước được điều chỉnh lại theo số liệu thực trích, do đó Lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm trước được điều chỉnh từ 4.892 thành 4.994. Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay chưa được ước tính, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay có thể thay đổi do ảnh hưởng của việc thay đổi số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi sau phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2023.

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

Đơn vị tính: VND		
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	66.620.064	66.620.222
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm		-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	348
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	66.620.064	66.619.874

Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm nay và năm trước được điều chỉnh lại theo số lượng bao gồm 33.310.032 cổ phiếu được phát hành bổ sung năm 2023 từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 (Thuyết minh số V.21).

Vii. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023.

2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thù lao, tiền lương Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Trong năm, Công ty đã chi trả thù lao, tiền lương cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty như sau:

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND		
HỌ TÊN	CHỨC DANH	THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG
Hồ Việt Hà	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/4/2023)	1.200.000.000
Trần Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/03/2023 đến ngày 16/6/2023), Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 16/6/2023)	1.300.000.000
Mai Việt Hà	Chủ tịch HĐQT - Miễn nhiệm ngày 28/4/2023	2.625.000.000
Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 16/6/2023	1.221.116.333
Nguyễn Công Bình	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023), Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/6/2023)	1.050.000.000
Phan Dương Cửu Long	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023), Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)	2.375.000.000
Trần Hằng Thu	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023), Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/6/2023)	1.567.500.000
Võ Minh Lực	Phó Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 16/6/2023	1.261.000.000
Ngô Văn Danh	Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 16/6/2023	912.800.000
Hà Tôn Trung Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	943.570.333
Các cá nhân đại diện phần vốn của Tổng Công ty Bến Thành - Công ty TNHH MTV	Thành viên HĐQT	139.500.000

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Công ty liên kết

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty (tiếp theo)

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Tri Thức Tương Lai	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tasco Auto	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một Thành Viên	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước	Cùng thành viên HĐQT - Trần Quang Trường
Công ty cổ phần Tasco	Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH New Energy Holdings	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần VETC	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty TNHH Tasco Land	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty TNHH MTV Tasco BOT	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023
Công ty cổ phần NVT Holdings	Công ty cùng tập đoàn từ 08/09/2023

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	7.985.916.690	5.661.153.806
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	4.797.177.508	100.434.716
Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu	141.298.720	6.818.871.234
Công ty Cổ phần Dana	5.527.162.772	4.389.922.917
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	10.321.926	88.602.540
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	10.102.245.070	4.363.516.622
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	36.183.897.834	14.380.783.793
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	86.026.181.478	11.416.264.693
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	8.158.753	1.157.407
Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	60.024.626.577	51.874.691.796
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	2.682.930.876	27.919.103.851
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một Thành Viên	73.514.335	842.014.064
Công ty Cổ phần Ô tô Bình Thuận	65.773.473	3.288.675.841
Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng (công ty liên kết trở thành công ty con từ tháng 12/2022)	-	77.250.463
Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam (trở thành công ty con từ tháng 12/2022)	-	42.196.562
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco (từ ngày 08/09/2023)	9.457.193.803	-
Công ty TNHH thu phí tự động VETC (từ ngày 08/09/2023)	255.269.896	-
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Sài Gòn	18.483.415.226	-
Công ty TNHH New Energy Holdings	10.000.000.000	-
Cộng	251.825.084.937	131.264.640.305

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ		
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	15.392.950	1.954.745.454
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	3.009.081.818	518.824.485
Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu	-	30.954.837
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	6.807.117.258	-
Công ty Cổ phần Dana	62.936.254	2.348.250
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	44.187.551	164.687.316
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	5.064.752.950	170.282.190
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	35.518.014.680	13.537.536.035
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	127.329.224.671	16.346.340.277
Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	49.609.506.999	41.826.523.956
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	17.501.741.078	31.262.814.591
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao	-	3.533.409.093
Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	-	630.624.080
Công ty Cổ phần Ô tô Bình Thuận	114.956.950	114.254.728
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco (từ ngày 08/09/2023)	4.353.012.142	-
Công ty TNHH thu phí tự động VETC (từ ngày 08/09/2023)	541.101.962	-
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Sài Gòn	2.621.210.327	-
Cộng	252.592.237.590	110.093.345.292

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
CỔ TỨC, LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA		
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	2.693.133.500	9.156.653.900
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	-	10.500.000.000
Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu	-	47.769.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	2.560.000.000	6.400.000.000
Công ty Cổ phần Dana	-	8.456.700.000
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	3.125.000.000	3.375.000.000
Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	4.375.000.000	3.062.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt (công ty liên kết trở thành công ty con từ tháng 12/2022)	-	3.598.000.000
Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	-	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Bình Thuận	937.500.000	-
Cộng	19.940.633.500	116.067.853.900
THU THẬP KHÁC		
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco (từ ngày 08/09/2023)	201.308.126	-
Công ty Cổ phần Dana	3.636.364	-
Công ty TNHH thu phí tự động VETC (từ ngày 08/09/2023)	278.276.741	-
Cộng	483.221.231	-

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
CÁC KHOẢN CHO VAY		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Sài Gòn	10.000.000.000	-
Cộng	25.000.000.000	-
DOANH THU TÀI CHÍNH (LÃI SỬ DỤNG VỐN)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	54.580.822	-
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	375.863.015	-
Công ty TNHH Tasco Auto (SVC Holdings)	10.433.095.890	-
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Sài Gòn	23.424.658	-
Cộng	10.886.964.385	-
LÃI PHẢI TRẢ		
Công ty TNHH Tasco Auto (SVC Holdings)	4.428.300.000	-
Cộng	4.428.300.000	-
GÓP VỐN		
Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam (trở thành công ty con tháng 12/2022)	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tri Thức Tương Lai	37.703.000.000	-
Cộng	37.703.000.000	1.000.000.000
CHI TRẢ CỔ TỨC		
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một Thành Viên	13.590.430.000	18.017.241.000
Công ty TNHH Tasco Auto	18.017.241.000	21.049.855.000
Cộng	31.607.671.000	39.067.096.000
KÝ QUỸ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	-	133.731.664
Cộng	-	133.731.664

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG		
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	-	11.343.240
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	13.712.600	9.458.209
Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu	65.318.926	145.687.791
Công ty Cổ phần Dana	552.589.328	696.152.449
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	-	2.833.692
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	1.043.554.214	27.970.409
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	51.266.736	7.684.843.692
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	11.451.069.859	1.395.489.038
Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	7.524.846.643	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	199.068.708	17.349.833.692
Công ty Cổ phần Ô tô Bình Thuận (đầu tư dài hạn khác)	-	10.919.497
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	3.075.677.094	-
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	45.535.900	-
Cộng	24.022.640.008	27.334.531.709
TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	7.410.000	-
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	20.598.313	-
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	10.710.313.200	-
Cộng	14.738.321.513	-
PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN		
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	2.500.000.000	2.500.000.000

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC		
Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu	28.200.000.000	28.200.000.000
Công ty TNHH Tasco Auto (SVC Holdings)	15.597.178.082	-
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	3.412.800	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	43.245.783	-
Cộng	43.843.836.665	28.200.000.000
PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC		
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	2.914.421.352	2.775.639.504
Công ty TNHH Tasco Auto (SVC Holdings)	189.500.000.000	-
Cộng	192.414.421.352	2.775.639.504
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	127.980	-
Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu	65.318.926	130.963.400
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	692.992.694	119.038.668
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	2.489.664	7.644.785.600
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	19.452.168.187	1.281.064.117
Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	6.032.234.283	804.712.568
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	518.400	18.459.321.342
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một Thành Viên	89.860.182	2.387.400.003
Công ty Cổ phần Ô tô Bình Thuận	14.344.668	89.202.941
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	175.500.201	-
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	2.479.590	-
Cộng	26.528.034.775	30.916.488.639

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN		
Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu	240.806.483	-
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	100.700.115	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	900.000	803.274.400
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	920.000.000	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	622.885.155	-
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	615.600	-
Cộng	1.885.907.353	803.274.400
PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC		
Công ty TNHH Tasco Auto (SVC Holdings)	7.977.694.521	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	1.010.369.105	-
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	118.396.096	-
Công ty TNHH New Energy Holdings	24.200.000.000	-
Cộng	33.306.459.722	-
PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC		
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	1.766.821.500	1.766.821.500
Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	21.200.000	-
Công ty TNHH New Energy Holdings	612.601.000.000	-
Cộng	614.389.021.500	1.766.821.500
VAY NGẮN HẠN		
Công ty TNHH Tasco Auto (SVC Holdings)	8.800.000.000	-
Cộng	8.800.000.000	-
VAY DÀI HẠN		
Công ty TNHH Tasco Auto (SVC Holdings)	155.000.000.000	-
Cộng	155.000.000.000	-

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Doanh thu của Công ty được cấu thành bởi các bộ phận chủ yếu gồm: Doanh thu bán hàng, dịch vụ ô tô, doanh thu kinh doanh bất động sản, doanh thu hoạt động tài chính. Chi tiết số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài sản của các bộ phận kinh doanh của Công ty trong năm như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	KINH DOANH Ô TÔ	BẤT ĐỘNG SẢN	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần	20.573.726.345.920	263.184.753.400	-	20.836.911.099.320
Thu nhập khác của bộ phận	9.989.250.053	1.161.841.324	26.361.130.302	37.512.221.679
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(19.292.536.352.333)	(115.913.907.803)	-	(19.408.450.260.136)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(1.322.710.404.141)	(128.738.150.625)	(2.188.582.307)	(1.453.637.137.073)
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	(31.531.160.501)	19.694.536.296	24.172.547.995	12.335.923.790
Thu nhập không phân bổ				51.854.570.236
Chi phí không phân bổ				(15.317.203.345)
Lợi nhuận trước thuế				48.873.290.681
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(4.441.349.128)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				44.431.941.553

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	KINH DOANH Ô TÔ	BẤT ĐỘNG SẢN	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH	TỔNG CỘNG
Tài sản				
Tài sản ngắn hạn bộ phận	3.513.430.683.218	342.164.866.631	112.901.778.004	3.968.497.327.853
Tài sản dài hạn bộ phận	1.858.031.064.905	1.243.453.710.077	68.151.901.815	3.169.636.676.797
Tài sản không phân bổ			35.729.179.322	
Tổng cộng tài sản	5.371.461.748.123	1.585.618.576.708	181.053.679.819	7.173.863.183.972
Nợ phải trả				
Nợ phải trả ngắn hạn bộ phận	2.641.335.858.455	237.241.996.607	-	2.878.577.855.062
Nợ phải trả dài hạn bộ phận	1.250.065.079.263	605.289.532.651	-	1.855.354.611.914
Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng cộng nợ phải trả	3.891.400.937.718	842.531.529.258	-	4.733.932.466.976

Mẫu B01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 02 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập biểu/Kế toán trưởng



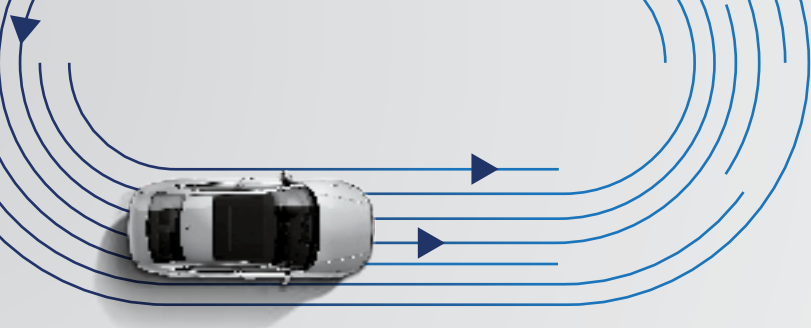
Trần Thái Sơn

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Giám đốc vận hành



Phan Thị Thu Thảo



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

📍 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Hồ Chí Minh City

☎ (84 - 28) 3821 3913

☎ (84 - 28) 3821 3553 / 3821 5992

✉ savico@savico.com.vn

🌐 www.savico.com.vn